



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

14

Tháng 7 - 2014

TỔNG CÔNG TY VIGLACERA KỶ NIỆM 40 NĂM THÀNH LẬP VÀ ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHẤT

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2014



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu chúc mừng TCty Viglacera



Nghi lễ đón nhận Huân chương Độc lập Hàng nhất

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI LĂM

14

SỐ 14 - 7/2014



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 1005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 5
- Quyết định số 1065/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 7

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành quy định quản lý sử dụng nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 9
- Quyết định số 1967/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh 11 Thanh Hóa ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
- Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh 13 Quảng Ngãi ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA

(Trưởng ban)

CN. BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

CN. ĐỖ KIM NHẬN

CN. BÙI QUỲNH ANH

CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN

CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn 16 trạm xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp”
- Nghiệm thu Chương trình bồi dưỡng chuyên môn, 17 quản lý nhà nước phần Xây dựng do Học viện Cán bộ Quản lý Xây dựng & Đô thị chủ trì biên soạn
- Nghiệm thu các đề tài soát xét Tiêu chuẩn Việt Nam 18 về phương pháp phân tích hóa học đối với vật liệu chịu lửa Alumo Silicat và vật liệu chịu lửa Crôm
- Hội nghị thẩm định đề án đề nghị công nhận thành 19 phố Đồng Hới là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Quảng Bình
- Hội nghị thẩm định Đồ án Quy hoạch tổng thể bảo 21 tồn tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích thành Cổ Loa (tỷ lệ 1:2000)
- Việc áp dụng tiêu chuẩn châu Âu (Eurocode) tại 23 nước Cộng hòa Belarus
- Nhựa đường polyme làm chất kết dính - Công nghệ 28 sản xuất, lưu trữ, vận chuyển và kiểm tra chất lượng

Thông tin

- Tổng Công ty Viglacera kỷ niệm 40 năm thành lập 30 và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất
- Ban Thường vụ Đảng ủy Khối các cơ quan Trung 31 ương làm việc với Ban cán sự Đảng và Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Xây dựng
- Hội thảo giới thiệu Bộ công cụ hỗ trợ ra quyết định 33 tích hợp thông tin biến đổi khí hậu tại Việt Nam (CIM-PACT-DST)
- Phòng chống ngập lụt trong đô thị của các nước 35 trên thế giới
- Các cách tiết kiệm điện nước của một số nước trên 36 thế giới
- Kinh nghiệm hội nhập đô thị và nông thôn của một 38 số nước phát triển
- “5 yếu tố chính” trong xây dựng đô thị hóa kiểu mới 42 ở Trung Quốc

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 1005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 20/6/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1005/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 với mục tiêu: Nâng cao vai trò, vị thế của vùng đồng bằng sông Cửu Long lên tầm quốc gia và khu vực. Phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long trên cơ sở phân công, hợp tác, chia sẻ và liên kết về các động lực, cơ hội phát triển, cân bằng giữa đô thị và nông thôn, bảo vệ môi trường, cảnh quan đặc trưng của vùng hạ lưu sông Mêkông, đảm bảo an ninh, quốc phòng. Phát triển vùng theo các chiến lược phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng và phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trở thành vùng trọng điểm quốc gia về sản xuất nông nghiệp và đánh bắt, nuôi trồng thủy sản của cả nước với tốc độ tăng trưởng cao. Phát triển mạnh kinh tế biển, du lịch sinh thái cảnh quan sông nước tầm quốc gia và quốc tế. Xây dựng đồng bộ và hiện đại hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của vùng, tạo điều kiện cho các đô thị tiếp tục phát huy vai trò là những hạt nhân tạo động lực thúc đẩy phát triển cho các khu vực lân cận về kinh tế văn hóa và xã hội.

Theo Quyết định này, dự báo đến năm 2020 dân số toàn vùng đạt khoảng 18 - 19 triệu người, tỉ lệ đô thị hóa đạt 30 - 35%; đến năm 2030, dân số toàn vùng đạt khoảng 19 - 20 triệu người, tỉ lệ đô thị hóa đạt 40 - 45%.

Quyết định này đã phê duyệt các yêu cầu nội dung của Nhiệm vụ quy hoạch. Cụ thể, đối với nội dung phân tích đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng, cần phân tích đánh giá các điều kiện tự nhiên, tài nguyên tự nhiên và nhân văn, các đặc trưng của vùng sông nước đồng bằng sông Cửu Long như vùng cảnh quan dọc sông Tiền, sông Hậu, dọc biển Đông, biển Tây, các vùng sinh thái ngập nước, các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng và tác động ngập lũ sông Mêkông đối với phát triển vùng; đánh giá hiện trạng phát triển vùng kinh tế - xã hội, hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, sử dụng đất đai, không gian vùng (không gian sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản, không gian xây dựng đô thị, công nghiệp tập trung, không gian du lịch, không gian bảo tồn vùng cảnh quan thiên nhiên...), hệ thống hạ tầng xã hội, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường. Đối với nội dung đánh giá định hướng Quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long đã được phê duyệt năm 2009, các quy hoạch ngành có liên quan và công tác thực hiện quy hoạch, cần đánh giá các mặt đạt được, những tồn tại và hạn chế của đồ án đặt trong bối cảnh phát triển mới của quốc gia, quốc tế; các chương trình, dự án, chiến lược phát triển ngành đã và đang được triển khai trong vùng, đặc biệt là các chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu; đánh giá quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội và các quy hoạch ngành của vùng đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh

trong vùng; chính sách phát triển vùng, cơ chế quản lý và liên kết vùng, công tác triển khai các dự án quy hoạch, các dự án đầu tư có tính chất liên kết vùng, khung hạ tầng giao thông và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật cấp vùng; đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển vùng và công tác thực hiện quy hoạch bao gồm điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của vùng; xác định các nội dung cần điều chỉnh trong đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030.

Đối với nội dung dự báo phát triển vùng, mô hình phát triển và cấu trúc không gian vùng, cần xác định bối cảnh phát triển mới của quốc gia, quốc tế, phân tích đánh giá vai trò, vị thế và các mối quan hệ vùng, các tiềm năng và động lực phát triển của vùng đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất quan điểm phát triển, tầm nhìn đến năm 2050 và các mục tiêu chiến lược phát triển vùng; xác định tính chất vùng, dự báo phát triển vùng về kinh tế - xã hội, quy mô dân số, lao động, đất đai, khả năng và quá trình đô thị hóa, dự báo sự thay đổi môi trường tự nhiên do sự tác động của phát triển kinh tế - xã hội, biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với đặc thù của vùng và các tiểu vùng. Điều chỉnh mô hình phát triển vùng và các tiêu chí lựa chọn kịch bản phát triển vùng, đảm bảo các tiêu chí thích ứng với biến đổi khí hậu và ngập lũ sông Mê Kông. Điều chỉnh cấu trúc không gian vùng đồng bằng sông Cửu Long trên cơ sở gắn với hai trục phát triển là trục Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau kết nối với vùng Thành phố Hồ Chí Minh và trục dọc sông Tiền, sông Hậu kết nối với vùng Phnôm Pênh và biển Đông.

Về phân vùng chức năng, đề xuất điều chỉnh phân vùng phát triển trên cơ sở vùng trọng điểm của vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng dọc sông Tiền, sông Hậu và vùng chuyển tiếp với vùng Thành phố Hồ Chí Minh. Điều chỉnh định hướng phân bố hệ thống đô thị vùng

gồm: Cần Thơ là đô thị hạt nhân động lực phát triển vùng, các đô thị trung tâm tiểu vùng, hệ thống đô thị dọc theo các tuyến hành lang kinh tế đô thị. Xác định tính chất, quy mô, chức năng các đô thị cấp vùng, tiểu vùng và phân loại các đô thị. Định hướng phát triển các điểm dân cư nông thôn tập trung phù hợp với đặc điểm tự nhiên, sản xuất và theo mô hình xây dựng nông thôn mới.

Về định hướng tổ chức không gian vùng, tổ chức không gian các đô thị và liên kết vùng đô thị theo hướng phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và thích ứng biến đổi khí hậu. Tổ chức không gian các khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế biển, khu công nghiệp tập trung gắn với không gian đô thị và các trục hành lang kinh tế, các đầu mối hạ tầng kỹ thuật; bảo tồn các không gian vùng cảnh quan sông nước, vườn cây ăn trái, rừng ngập mặn, rừng ngập nước, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia. Tổ chức không gian du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa lịch sử tầm quốc gia, quốc tế; tổ chức không gian sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp đô thị, nông nghiệp chuyên canh và không gian nuôi trồng thủy sản.

Đối với nội dung chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng, cần phân tích đánh giá về địa hình, các tai biến địa chất, cảnh báo các vùng cấm và hạn chế xây dựng; xác định lưu vực, hướng thoát nước chính, các công trình tiêu thoát nước đầu mối, tích hợp quy hoạch thủy lợi của vùng. Đề xuất điều chỉnh các giải pháp về phòng, chống và xử lý tai biến địa chất, ngập lụt đối với vùng ngập lũ và vùng chịu ảnh hưởng nước biển dâng, đảm bảo thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Đối với nội dung cấp nước, cần đánh giá về tài nguyên nước mặt và nước ngầm, dự báo tổng hợp nhu cầu dùng nước cho các đô thị, khu dân cư nông thôn, khu công nghiệp, vùng sản xuất, xác định các công trình đầu mối cấp nước có ý nghĩa vùng và liên vùng, các tuyến

đường ống cấp nước, chuyển tải chính có ý nghĩa vùng và liên vùng. Điều chỉnh các giải pháp cấp nước phù hợp với phát triển vùng, lưu ý giải pháp đối với các vùng bị tác động của biến đổi khí hậu. Đề xuất giải pháp bảo vệ nguồn nước và các công trình đầu mối, đặc biệt là nguồn nước ngầm. Đồng thời, cần xác định các chỉ tiêu về nước thải, chất thải rắn, đất nghĩa trang theo loại đô thị, dự báo tổng khối lượng nước thải, chất thải rắn, nhu cầu đất nghĩa trang toàn vùng. Lựa chọn hệ thống thoát

nước thải cho các đô thị, khu chức năng lớn và tổ chức thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn theo từng vùng. Xác định vị trí, quy mô các công trình đầu mối xử lý nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang liên đô thị, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, văn hóa vùng, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Quyết định số 1065/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 03/7/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1065/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 với mục tiêu: Nâng cao vai trò vị thế của vùng thành phố Hồ Chí Minh trong khu vực và thế giới; phát triển vùng thành phố Hồ Chí Minh trở thành một vùng đô thị lớn phát triển năng động với chất lượng tăng trưởng cao và bền vững trên cơ sở phân công, hợp tác, chia sẻ và liên kết về động lực, cơ hội phát triển, bảo đảm phát triển cân bằng giữa đô thị và nông thôn, bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan đặc trưng của vùng, đảm bảo an ninh quốc phòng. Phát triển vùng phù hợp với yêu cầu chiến lược tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển vùng thành phố Hồ Chí Minh trở thành một vùng kinh tế động lực hàng đầu cả nước, có cơ cấu kinh tế hiện đại và là trung tâm kinh tế lớn của khu vực và châu Á. Xây dựng vùng trở thành trung tâm thương mại và tài chính, dịch vụ tầm quốc tế, cửa ngõ giao thương quốc tế quan trọng của quốc gia; trung tâm công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp chuyên sâu với trình độ chuyên

môn hóa cao, trung tâm văn hóa, thể thao, du lịch, giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ và y tế chất lượng cao tầm khu vực. Xây dựng đồng bộ và hiện đại hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của vùng, tạo điều kiện cho các đô thị tiếp tục phát huy vai trò là những hạt nhân tạo động lực thúc đẩy phát triển cho các khu vực lân cận về kinh tế văn hóa và xã hội, trong đó thành phố Hồ Chí Minh là đô thị hạt nhân, trung tâm kinh tế tổng hợp đa chức năng, với kết cấu hạ tầng đồng bộ hiện đại ngang tầm với các đô thị hiện đại trong khu vực.

Theo Quyết định này, dự kiến đến năm 2020, dân số trong vùng khoảng 20 - 22 triệu người, tỉ lệ đô thị hóa đạt khoảng 60 - 65%; đến năm 2030, dân số trong vùng khoảng 23 - 25 triệu người, tỉ lệ đô thị hóa đạt khoảng 65 - 75%.

Quyết định này đã phê duyệt các yêu cầu nội dung của Nhiệm vụ quy hoạch. Cụ thể, đối với nội dung phân tích đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng, cần phân tích đánh giá các điều kiện tự nhiên, đặc biệt đánh giá về vị trí địa kinh tế chính trị của vùng trong khu vực và thế giới; phân tích, đánh giá tiềm năng tài nguyên tự nhiên và điều kiện xã hội; đánh giá hiện trạng

phát triển vùng kinh tế - xã hội, hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, sử dụng đất đai, không gian vùng, hệ thống hạ tầng xã hội, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường; phân tích đánh giá các tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, tác động ngập lũ và các xu hướng, kịch bản biến đổi khí hậu tác động đến định hướng không gian vùng.

Đối với nội dung đánh giá việc thực hiện Quy hoạch xây dựng vùng thành phố Hồ Chí Minh đã được phê duyệt năm 2008, các quy hoạch ngành có liên quan, cần đánh giá các ưu điểm và những hạn chế của đồ án trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội mới của quốc gia, quốc tế; đánh giá các chương trình, dự án, chiến lược phát triển ngành đã và đang được triển khai trong vùng, đặc biệt là các chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đánh giá quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội, các quy hoạch ngành của vùng thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong vùng. Đánh giá chính sách phát triển vùng, cơ chế quản lý và liên kết vùng, công tác triển khai các dự án quy hoạch, các dự án đầu tư có tính chất liên kết vùng, khung hạ tầng giao thông và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật cấp vùng.

Đối với nội dung đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển vùng và công tác thực hiện quy hoạch, cần phân tích bối cảnh phát triển mới của quốc gia, quốc tế, phân tích đánh giá vai trò, vị thế và các mối quan hệ vùng, các tiềm năng và động lực phát triển của vùng thành phố Hồ Chí Minh; đề xuất quan điểm phát triển, tầm nhìn đến năm 2050 và các mục tiêu chiến lược phát triển vùng; xác định tính chất vùng, dự báo phát triển vùng về kinh tế - xã hội, quy mô dân số, lao động, đất đai, khả năng và quá trình đô thị hóa, dự báo sự thay đổi môi trường tự nhiên do sự tác động của phát triển kinh tế - xã hội, biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Dự báo phát triển vùng, mô hình phát triển và cấu trúc không gian vùng (xác định nội dung chính cần điều chỉnh trong

đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030; lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với đặc thù của vùng và các tiểu vùng; điều chỉnh cấu trúc không gian vùng đáp ứng yêu cầu kết nối với các vùng kinh tế lớn hơn trên thế giới và kết nối với các vùng kinh tế trọng điểm quốc gia như vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng; đặc biệt kết nối giữa vùng đô thị trung tâm với các cực phát triển đối trọng trong vùng).

Đối với nội dung đề xuất điều chỉnh phân bố các vùng chức năng, cần điều chỉnh phân vùng phát triển kinh tế và đô thị đáp ứng yêu cầu liên kết vùng và phát huy tiềm năng lợi thế riêng của các tỉnh trong vùng, tích hợp với phân vùng và phát triển kinh tế của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; điều chỉnh định hướng phân bố hệ thống đô thị, trong đó thành phố Hồ Chí Minh là đô thị hạt nhân động lực phát triển của toàn vùng, các đô thị vệ tinh trong vùng trung tâm, hệ thống các vùng đô thị đối trọng, hệ thống đô thị theo các tuyến hành lang kinh tế đô thị hướng tâm, hệ thống các đô thị chuyên ngành. Xác định tính chất quy mô, chức năng các đô thị và phân loại đô thị. Định hướng phát triển không gian nông thôn phù hợp với đặc điểm tự nhiên, văn hóa truyền thống và điều kiện sản xuất và theo mô hình xây dựng nông thôn mới. Điều chỉnh phân bố các vùng công nghệ công nghệ cao, các vùng công nghiệp chuyên sâu, các vùng công nghiệp tập trung đa ngành gắn với các vùng đô thị trung tâm và các vùng đô thị đối trọng, các trục hành lang kinh tế đô thị và các đầu mối hạ tầng kỹ thuật của vùng, khai thác hiệu quả các lợi thế vùng nguyên liệu, nguồn nhân lực. Điều chỉnh định hướng phân bố các vùng du lịch sinh thái rừng cảnh quan, đặc biệt rừng ngập mặn Cần Giờ, rừng Nam Cát Tiên, vùng ngập nước Đồng Tháp Mười, vùng biển đảo. Đề xuất các trung tâm du lịch tầm quốc gia, quốc tế về văn hóa lịch sử, giải trí.

Đối với nội dung điều chỉnh định hướng tổ chức không gian vùng, cần tổ chức không gian đô thị theo hướng phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và thích ứng biến đổi khí hậu, liên kết phát triển không gian đô thị vùng trung tâm và các chuỗi không gian đô thị theo các tuyến hành lang kinh tế đô thị hướng tâm, phát triển liên kết không gian đô thị tại các vùng đô thị đối trọng. Tổ chức không gian các khu công nghiệp tập trung, khu kinh tế cửa khẩu gắn với không gian đô thị và các trục hành lang kinh tế đô thị hướng tâm, các đầu mối hạ tầng kỹ thuật của vùng, tổ chức không gian các khu công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch tại vùng đô thị trung tâm và các khu công nghiệp tập trung chuyên sâu tại các cực đối trọng của vùng. Tổ chức không gian du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa lịch sử tầm quốc gia và quốc tế gắn với tài nguyên cảnh quan rừng, tài nguyên biển; tổ chức không gian sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản theo hướng các khu nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp đô thị, các vùng nông nghiệp chuyên canh và không gian nuôi trồng thủy sản thích

ứng với biến đổi khí hậu. Bảo tồn các không gian rừng cảnh quan, rừng trồng, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

Đối với nội dung chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng, cần phân tích đánh giá về địa hình, các tai biến địa chất, cảnh báo các vùng cấm và hạn chế xây dựng; xác định lưu vực, hướng thoát nước chính, các công trình tiêu thoát nước đầu mối, tích hợp quy hoạch thủy lợi của vùng; đề xuất các giải pháp về phòng chống và xử lý tai biến địa chất, ngập lụt đối với vùng ngập lũ và vùng chịu ảnh hưởng nước biển dâng, đảm bảo thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Ngoài ra, Quyết định này còn nêu rõ các yêu cầu đối với nhiệm vụ quy hoạch giao thông, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang, đánh giá môi trường chiến lược và các chương trình ưu tiên đầu tư phát triển vùng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành quy định quản lý sử dụng nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Ngày 24/6/2014, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ban hành quy định quản lý sử dụng nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Theo Quyết định này, hộ gia đình đăng ký thuê, thuê mua nhà ở xã hội (NOXH) thuộc sở hữu nhà nước (SHNN) thì chỉ cần một thành viên trong gia đình đó thuộc một trong các đối tượng quy định được xét thuê, thuê mua và chỉ

được xét duyệt thuê, thuê mua 1 căn hộ NOXH thuộc SHNN. Việc xét duyệt đối tượng được thuê, thuê mua NOXH thuộc SHNN được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, thang điểm tối đa là 100. Người có tổng số điểm cao hơn sẽ được ưu tiên giải quyết cho thuê, thuê mua trước theo thang điểm quy định.

Quyết định này quy định điều kiện khó khăn về nhà ở như sau: Đối với trường hợp người nộp đơn đề nghị thuê, thuê mua nhà ở chưa có nhà

ở thuộc sở hữu của mình và chưa được thuê, mua hoặc thuê mua NOXH, chưa được Nhà nước hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức (bao gồm cả vợ và chồng nếu đã đăng ký kết hôn) là các trường hợp: Chưa có nhà ở và đang phải ở nhờ, thuê, mượn nhà ở của người khác hoặc có nhà ở nhưng đã bị Nhà nước thu hồi đất để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc đã bị giải tỏa để cải tạo chung cư cũ bị hư hỏng, xuống cấp và không được bồi thường bằng nhà ở, đất ở khác; chưa được Nhà nước giao đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai; chưa được thuê, mua nhà ở thuộc SHNN hoặc chưa được thuê, thuê mua, mua NOXH; chưa được tặng nhà tình thương, nhà tình nghĩa. Trường hợp người nộp đơn đề nghị thuê, thuê mua nhà ở (bao gồm cả vợ và chồng nếu đã đăng ký kết hôn) đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng nhà ở chật chội hoặc bị hư hỏng, dột nát (nhà ở đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoặc nhà ở có đủ giấy tờ hợp lệ để được cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật về đất đai) là các trường hợp: Có nhà ở là căn hộ chung cư nhưng diện tích bình quân của hộ gia đình dưới 5 m² sàn/người; có nhà ở riêng lẻ nhưng diện tích nhà ở bình quân của hộ gia đình dưới 5 m² sàn/người và diện tích khuôn viên đất của nhà ở đó thấp hơn tiêu chuẩn diện tích đất tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định pháp luật xây dựng hiện hành; có nhà ở riêng lẻ nhưng bị hư hỏng khung - tường và mái và diện tích khuôn viên đất của nhà ở đó thấp hơn tiêu chuẩn diện tích đất tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định pháp luật xây dựng hiện hành.

Sau khi dự án NOXH thuộc SHNN được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, chủ đầu tư (đơn vị được giao đầu tư xây dựng hay đơn vị được giao dùng vốn ngân sách để chuyển đổi dự án nhà ở thương mại sang NOXH) có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh và Sở Xây dựng các nội dung liên quan đến đầu tư

xây dựng, tổng số căn hộ và các thông tin khác liên quan đến dự án. Trên cơ sở các thông tin liên quan đến dự án, UBND tỉnh giao cho cơ quan quản lý nhà ở (Sở Xây dựng hoặc ủy quyền cho UBND cấp huyện) tổ chức xét duyệt cho các đối tượng đã có đơn đăng ký thuê, thuê mua Dự án NOXH thuộc SHNN. Đơn vị được UBND tỉnh giao (gọi chung là cơ quan quản lý nhà ở) có trách nhiệm thông báo cho các đối tượng có nhu cầu thuê, thuê mua Dự án NOXH thuộc SHNN, thời gian bắt đầu và kết thúc nhận đơn đăng ký, địa điểm tiếp nhận hồ sơ, đồng thời, tổng hợp danh sách các đối tượng có đơn đăng ký xin thuê, thuê mua và gửi danh sách trên đến các cơ quan (nơi đang quản lý các đối tượng trên) để các cơ quan này thành lập Hội đồng cơ quan. Hội đồng cơ quan căn cứ theo các quy định tổ chức chấm điểm cho các đối tượng thuộc cơ quan hiện đang quản lý. Hội đồng cơ quan chịu trách nhiệm về sự chuẩn xác khi tổ chức chấm điểm cho các đối tượng do cơ quan mình đang quản lý, lập báo cáo tổng hợp về kết quả chấm điểm kèm theo danh sách trích ngang cùng hồ sơ của các đối tượng được xét duyệt gửi về cơ quan quản lý nhà ở. Cơ quan quản lý nhà ở có thể thành lập Hội đồng xét duyệt hồ sơ hoặc thực hiện xét duyệt đơn đăng ký thuê, thuê mua nhà ở theo quy định, trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách các đối tượng được thuê, thuê mua dự án NOXH thuộc SHNN. Trường hợp đối tượng có đơn đăng ký thuê, thuê mua dự án NOXH thuộc SHNN nhưng không đủ điều kiện theo quy định này thì Cơ quan quản lý nhà ở tổ chức xét duyệt có văn bản thông báo cho Hội đồng cơ quan để trả lời cho người nộp đơn biết.

Sau khi dự án NOXH thuộc SHNN được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, chủ đầu tư có trách nhiệm xây dựng phương án giá thuê, thuê mua dự án NOXH thuộc SHNN theo quy định tại Điều 12, 13 và Điều 14 Thông tư số 14/2013/TT-BXD, báo cáo Sở Xây dựng có ý kiến tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định. Sau

khi chỉnh sửa, bổ sung (nếu có) theo ý kiến thẩm định của Sở Tài chính, Sở Xây dựng tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt giá thuê, thuê mua dự án NOXH thuộc SHNN cho từng dự án cụ thể.

Cơ quan quản lý nhà ở tham mưu, trình UBND tỉnh việc lựa chọn đơn vị quản lý vận hành nhà ở thông qua hình thức chỉ định hoặc đấu thầu để thực hiện quản lý vận hành NOXH thuộc SHNN. Đơn vị quản lý vận hành nhà ở thực hiện các quyền và trách nhiệm theo quy

định tại Điều 7 của Nghị định số 34/2013/NĐ-CP. Đối với NOXH thuộc SHNN là nhà chung cư thì cơ quan quản lý nhà ở ủy quyền cho đơn vị được giao quản lý vận hành nhà ở tổ chức thành lập Ban quản trị NOXH thuộc SHNN.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.baria-vungtau.gov.vn)

Quyết định số 1967/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Ngày 25/6/2014, UBND tỉnh Thanh Hóa đã có Quyết định số 1967/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quy định này, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình dân dụng, công trình công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật - Phụ lục Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP trừ công trình đền biển (hải đăng) và hệ thống thông tin, tín hiệu bảo đảm giao thông đường sông, đường biển. Sở Công Thương chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành (trừ các công trình công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng). Công trình công nghiệp quy định tại Mục II - Phụ lục Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình giao thông quy định tại Mục IV - Phụ lục Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, công trình đền biển

(hải đăng) và hệ thống thông tin, tín hiệu bảo đảm giao thông đường sông, đường biển. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tại Mục V của Phụ lục Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các công trình thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp được giao quản lý. UBND cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các công trình xây dựng do UBND cấp huyện cấp giấy phép xây dựng, các công trình nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân, các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND cấp huyện quyết định đầu tư hoặc được UBND tỉnh ủy quyền đầu tư và các dự án do UBND cấp xã quyết định đầu tư.

Cũng theo Quy định này, Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, thực hiện các công việc sau: Trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy

phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn UBND cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia xây dựng công trình thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo quy định; lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn; kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình khi phát hiện dấu hiệu vi phạm về chất lượng hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên. Phối hợp với Bộ Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I trên địa bàn; phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành, tham gia Hội đồng nghiệm thu nhà nước đối với công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định. Giúp UBND tỉnh tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố theo quy định tại điều 39 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP; theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về tình hình sự cố trên địa bàn, hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo phân cấp quy định. Chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo an toàn thì được quyền tạm dừng thi công và chỉ cho phép thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu

khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn.

Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn. Kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình chuyên ngành khi phát hiện dấu hiệu vi phạm về chất lượng hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên. Thẩm tra thiết kế xây dựng đối với các công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định. Phối hợp với Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I trên địa bàn. Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định. Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định; hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo phân cấp. Xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo an toàn thì được quyền tạm dừng thi công và chỉ cho phép thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn.

Ngoài ra, Quy định này còn quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trong công tác khảo sát, thiết

kế, thi công và nghiệm thu công trình xây dựng, quản lý an toàn lao động, giải quyết sự cố trong thi công xây dựng, khai thác và sử dụng công trình xây dựng, bảo hành công trình xây dựng. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công trình, hạng mục công trình chính của dự án đầu tư xây dựng công trình có nhiệm vụ tổ chức kiểm tra tất cả các công trình, hạng mục

công trình thuộc đối tượng phải được kiểm tra theo quy định và mời các cơ quan chuyên môn về xây dựng chuyên ngành có liên quan tham gia trong quá trình kiểm tra.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại
www.thanhhoa.gov.vn)

Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Ngày 25/6/2014, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Theo Quy định này, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình dân dụng, công trình công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật - Phụ lục Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 15/2013/NĐ-CP). Sở Công thương chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành (trừ các công trình công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng). Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình giao thông quy định tại Mục IV - Phụ lục Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tại Mục V của Phụ lục Phân loại công trình xây dựng,

ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi và Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các công trình thuộc Khu công nghiệp và Khu Kinh tế Dung Quất. Ngoài quy định chung, Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất còn phải thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng. UBND cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các công trình xây dựng do UBND cấp huyện cấp giấy phép xây dựng, các công trình nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân, các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND cấp huyện quyết định đầu tư hoặc được UBND tỉnh ủy quyền đầu tư và các dự án do UBND cấp xã quyết định đầu tư theo quy định của UBND tỉnh.

Về thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, Quy định này quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm e Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, bao gồm: Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà

nước do cơ quan Trung ương quyết định đầu tư, công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND cấp huyện quyết định đầu tư và các công trình sử dụng vốn khác như nhà chung cư cấp II, công trình công cộng cấp II, công trình sản xuất vật liệu xây dựng cấp II, công trình hạ tầng kỹ thuật cấp II và các công trình xử lý chất thải rắn độc hại không phân biệt cấp. Sở Công Thương kiểm tra công trình quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 21 và Điểm d Khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Sở Giao thông vận tải kiểm tra các công trình giao thông quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra các công trình quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất kiểm tra các công trình thuộc Khu Kinh tế Dung Quất quy định tại Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Ban Quản lý các Khu công nghiệp kiểm tra các công trình thuộc Khu công nghiệp. Đối với các công trình không phải kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng thì chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng để đưa vào sử dụng theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan quản lý nhà nước có nhiệm vụ thực hiện kiểm tra công trình chính của dự án, có trách nhiệm tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu cho toàn bộ công trình theo quy định và mời các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng chuyên ngành có liên quan tham gia trong quá trình kiểm tra.

Cũng theo Quy định này, Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, thực hiện các công việc sau: Trình UBND tỉnh ban hành các văn bản để triển khai, thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên

địa bàn tỉnh. Hướng dẫn UBND cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia xây dựng công trình thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Nhà nước và của tỉnh Quảng Ngãi. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo quy định; lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn; kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình khi phát hiện dấu hiệu vi phạm về chất lượng hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên. Phối hợp với Bộ Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I trên địa bàn; phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành, tham gia Hội đồng nghiệm thu nhà nước đối với công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định. Phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định. Chủ trì tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố; theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về tình hình sự cố trên địa bàn, hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo phân cấp quy định. Chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo an toàn thì được quyền tạm dừng thi công và chỉ cho phép thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu

khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn.

Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chịu trách nhiệm lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn. Kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình khi phát hiện dấu hiệu vi phạm về chất lượng hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên. Phối hợp với Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I trên địa bàn. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn; tham gia Hội đồng nghiệm thu nhà nước đối với công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu. Xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại điều 46

Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo an toàn thì được quyền tạm dừng thi công và chỉ cho phép thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn.

Ngoài ra, Quy định này còn quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình trong công tác khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu công trình xây dựng; quản lý an toàn lao động, giải quyết sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng; quy định về bảo hành công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại
www.quangngai.gov.vn)**

Nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn trạm xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp”

Ngày 14/7/2014 tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị nghiệm thu các kết quả của đề tài “Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn trạm xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp” do Hội Môi trường xây dựng Việt Nam chủ trì thực hiện.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, GS.TS Trần Hiếu Nhuệ - Chủ nhiệm đề tài đã báo cáo tóm tắt quá trình triển khai và nội dung cơ bản của dự thảo tiêu chuẩn trạm xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp do nhóm đề tài biên soạn.

Theo báo cáo, nhóm đề tài đã tiến hành nghiên cứu các tài liệu, thông tin khoa học trong nước và nước ngoài, các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan cũng như các quy định của pháp luật đối với công tác xử lý nước thải và bảo vệ môi trường đối với các khu, cụm công nghiệp. Bên cạnh đó, nhóm cũng tiến hành các cuộc khảo sát thực địa tại một số khu, cụm công nghiệp đại diện cho các vùng trên cả nước để đưa ra những đánh giá về thực trạng công tác thiết kế, xây dựng, công nghệ áp dụng, công tác quản lý và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, trên cơ sở đó xây dựng dự thảo tiêu chuẩn về thiết kế và vận hành các nhà máy xử lý nước thải tập trung cho các khu, cụm công nghiệp.

Theo đánh giá của các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng, việc biên soạn tiêu chuẩn này là rất cần thiết, nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường các khu, cụm công nghiệp và tính kết nối với hệ thống hạ tầng cấp, thoát nước. Các chuyên gia cũng đánh giá, nhóm đề tài đã tiến hành nghiên cứu một cách công phu, số liệu khá phong phú. Tuy nhiên bên cạnh những mặt đạt được, báo cáo thuyết minh đề tài và dự thảo tiêu chuẩn cũng cần có những chỉnh



Toàn cảnh cuộc họp

sửa cả về bố cục, kỹ thuật soạn thảo và các nội dung chi tiết bên trong.

Thay mặt Hội đồng nghiệm thu, TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng đã tổng kết các ý kiến phát biểu của các thành viên Hội đồng, đề nghị chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu tiếp thu, bao gồm: chỉnh sửa phần tên tiếng Anh của Dự thảo tiêu chuẩn; viết lại phạm vi áp dụng tiêu chuẩn theo hướng đưa ra các qui định chung cho thiết kế, vận hành trạm xử lý nước thải trong các khu, cụm công nghiệp; rà soát lại thuật ngữ, và cấu trúc lại dự thảo tiêu chuẩn thành 02 phần tách biệt: yêu cầu chung về thiết kế và yêu cầu chung về vận hành; phần yêu cầu thiết kế cần lưu ý bao quát các loại công nghệ áp dụng đối với các dạng nước thải khác nhau, bố cục theo quy trình bản vẽ thiết kế đồng thời tham khảo các tiêu chuẩn nước ngoài liên quan đến công nghệ; phần yêu cầu vận hành tập trung nêu rõ các yêu cầu về kỹ thuật vận hành, bổ sung nội dung kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa; lược bớt một số phụ lục và các tài liệu pháp lý, tài liệu viện dẫn trong dự thảo tiêu chuẩn. Chủ tịch Hội đồng cũng đề nghị chủ nhiệm đề tài sau khi rà soát, chỉnh sửa theo các ý kiến của Hội đồng, phải hoàn chỉnh báo cáo và dự thảo tiêu chuẩn

để gửi lấy ý kiến đóng góp của 05 đơn vị làm công tác tư vấn, thiết kế, quản lý vận hành các cơ sở xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, trên cơ sở đó, Bộ Xây dựng sẽ xem xét để gửi sang Bộ Khoa học và công nghệ thẩm định và

công bố.

Đề tài đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Minh Tuấn

Nghiệm thu Chương trình bồi dưỡng chuyên môn, quản lý nhà nước phần Xây dựng do Học viện Cán bộ Quản lý Xây dựng & Đô thị chủ trì biên soạn

Ngày 17/7/2014, tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu “Chương trình bồi dưỡng chuyên môn, quản lý nhà nước phần Xây dựng đối với công chức địa chính - xây dựng - đô thị & môi trường phường, thị trấn” do Phòng Quản lý Khoa học - Học viện Cán bộ Quản lý Xây dựng & Đô thị (AMC) chủ trì biên soạn. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường (Bộ Xây dựng) làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo Phó Giám đốc Học viện Nguyễn Hoài Nam, để thực hiện hợp đồng số 450/HĐ-VPBNV ngày 23/12/2013 giữa văn phòng Bộ Nội vụ và Học viện, Chương trình đã được Học viện tích cực tiến hành soạn thảo, với thời lượng giảng dạy 80 tiết, trong đó lý thuyết chiếm 40 - 50% và các kỹ năng hoạt động khác chiếm 50 - 60%. Về nội dung, Chương trình có 10 chuyên đề liên quan đến công tác quản lý nhà nước và kỹ năng quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực xây dựng, và 04 hoạt động. Trong quá trình biên soạn, Học viện đã xây dựng mẫu phiếu điều tra nhu cầu được bồi dưỡng của công chức địa chính - xây dựng - đô thị & môi trường phường, thị trấn, gồm trên 30 chỉ tiêu thuộc 10 chuyên đề; tiến hành điều tra khảo sát, lấy ý kiến trực tiếp của hơn 300 cán bộ chuyên môn tại 05 vùng miền trên toàn quốc. Dự thảo Chương trình có kết cấu hoàn chỉnh của một chương trình bồi dưỡng, trong đó xác định rõ đối tượng, mục tiêu, phương pháp giảng dạy, các bài



Toàn cảnh cuộc họp

giảng lý thuyết và tình huống thực hành.

Với mỗi chuyên đề cụ thể (Đô thị hóa và định hướng phát triển đô thị ở Việt Nam; Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan và bảo tồn di sản đô thị;...), nhóm biên soạn đã cố gắng để nội dung chuyển tải đáp ứng được yêu cầu chuyên môn, các quy định về quản lý nhà nước được cập nhật, quy trình quản lý phù hợp yêu cầu cải cách thủ tục hành chính tại phường, thị trấn, sát với đặc điểm đối tượng bồi dưỡng và đặc điểm quản lý theo địa bàn phường, thị trấn.; qua đó hỗ trợ đắc lực cán bộ chuyên môn các cấp này thành thạo chuyên môn, nghiệp vụ ở lĩnh vực thuộc nhiệm vụ được giao.

Các ý kiến phản biện cũng như toàn Hội đồng đều thống nhất: dự thảo đã được nhóm tác giả biên soạn công phu, phương pháp làm việc khoa học, cơ bản đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu của Bộ tài liệu - đó là các chuyên đề được biên soạn đơn giản, được mô hình hóa

nên dễ hiểu, dễ nhớ. Nội dung từng chuyên đề được thiết kế một cách khoa học, bài bản, trên cơ sở các luận thuyết tiên tiến của thế giới về phát triển nguồn nhân lực khu vực hành chính công, trong điều kiện vận dụng sáng tạo, hợp lý với đặc điểm của nền công vụ Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách hành chính. Bên cạnh đó, Hội đồng cũng góp ý về một số nội dung trong các chuyên đề để giúp nhóm tác giả hoàn thiện dự thảo. Các chuyên đề cần nhấn mạnh vào tính chất đô thị, bám sát đối tượng cần được bồi dưỡng là nhóm công chức phường, thị trấn. Theo Hội đồng, nhóm tác giả cũng cần nhanh chóng bổ sung hồ sơ, các kết quả điều tra khảo sát; từ đó nội dung Chương trình đề xuất mới có căn cứ, và hàm lượng khoa học cao hơn.

Đồng tình với các ý kiến của Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng - TS. Nguyễn Trung Hòa đặc biệt lưu ý nhóm biên soạn tập trung sâu vào các chuyên đề cơ bản như Quản lý nhà nước về xây dựng, Quản lý dự án đầu tư xây dựng, Quản lý quy hoạch, Quản lý hạ tầng kỹ thuật, Kiểm tra - thanh tra - xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn phường, thị trấn..., với các nội dung nhấn mạnh hai trọng tâm (cung cấp kiến thức quản lý nhà nước, đồng thời cung cấp kỹ năng giải quyết các nhiệm vụ liên quan, kỹ năng xử

lý tình huống). Nhóm cũng cần rà soát, cân đối phần lý thuyết và thảo luận trong từng chuyên đề cụ thể; nghiên cứu biên soạn các chuyên đề ngắn gọn, súc tích hơn, phù hợp với thời lượng giảng dạy. Một số nội dung như quản lý thị trường bất động sản trong chuyên đề 8 (Quản lý nhà và thị trường bất động sản trên địa bàn phường, thị trấn), một số quy chuẩn, tiêu chuẩn trong chuyên đề 9 (Hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về nhà ở và công trình công cộng) có thể lồng ghép với các chuyên đề khác hoặc rút gọn hơn. Riêng nội dung quản lý môi trường trong chuyên đề 6 (Quản lý hạ tầng kỹ thuật, môi trường trên địa bàn phường, thị trấn), nhóm tác giả nên tham khảo tài liệu do Bộ Nội vụ đặt hàng với Bộ Tài nguyên Môi trường, tránh trùng lặp và làm tăng thêm khối lượng kiến thức.

TS. Nguyễn Trung Hòa giao Học viện AMC khẩn trương hoàn thiện dự thảo trước tháng 8/2014, gửi Vụ Tổ chức Cán bộ rà soát trước khi trình Lãnh đạo Bộ Xây dựng thông qua, đảm bảo đúng thời hạn ban hành Bộ tài liệu phục vụ công tác bồi dưỡng chuyên môn, quản lý nhà nước về xây dựng cho công chức địa chính - xây dựng - đô thị & môi trường cấp phường, thị trấn (dự kiến vào tháng 9/2014).

Lệ Minh

Nghiệm thu các đề tài soát xét Tiêu chuẩn Việt Nam về phương pháp phân tích hóa học đối với vật liệu chịu lửa Alumo Silicat và vật liệu chịu lửa Crôm

Ngày 24/07/2014, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu các kết quả của đề tài soát xét tiêu chuẩn TCVN 6533:1999 - Vật liệu chịu lửa Alumo Silicat - Phương pháp phân tích hóa học; và TCVN 6819:2001 - Vật liệu chịu lửa Crôm - Phương pháp phân tích hóa học, do Viện Vật liệu xây dựng thực hiện. Th.S Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây

dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo của các chủ nhiệm đề tài soát xét TCVN 6533:1999 và TCVN 6819:2001, việc soát xét, bổ sung nội dung cho các tiêu chuẩn trên là cần thiết, bởi vì cả 2 tiêu chuẩn này đã ban hành và áp dụng được trên 10 năm, so với thời điểm hiện tại, các ứng dụng khoa học kỹ thuật và phương pháp thử cũng như phân tích đã có nhiều thay đổi, do đó để phù hợp với sự

phát triển của khoa học hiện đại, nhóm thực hiện đề tài đã căn cứ vào các tài liệu tiêu chuẩn cũ, đồng thời nghiên cứu và ứng dụng các phương pháp thử mới, thông qua các thử nghiệm nghiêm túc để đưa ra các tiêu chuẩn mới thay thế cho tiêu chuẩn hiện hành.

Bà Nguyễn Thị Thảo - Chủ nhiệm đề tài soát xét tiêu chuẩn TCVN 6533: 1999 cho biết, những thay đổi chính trong dự thảo tiêu chuẩn mới thay thế cho TVCN 6533:1999 là: thay đổi về phương pháp xác định ảnh hưởng của PO_4^{3-} đến phép xác định SiO_2 hòa tan; xác định hàm lượng nhôm oxit (Al_2O_3) bằng phương pháp chuẩn độ phức chất; xác định hàm lượng Magie oxit (MgO) bằng phương pháp đo phổ hấp thụ nguyên tử.

Theo Bà Nguyễn Thị Xuân Thu - Chủ nhiệm đề tài soát xét tiêu chuẩn TCVN 6819:20.. thay thế TCVN 6819, nhóm cũng đề xuất thay đổi các phương pháp thử để xác định hàm lượng mất khi nung (MKN), hàm lượng sắt oxit (Fe_2O_3), hàm lượng nhôm oxit (Al_2O_3), hàm lượng canxi oxit (CaO), hàm lượng magie oxit (MgO), hàm lượng crôm oxit (Cr_2O_3).

Với sự thay đổi về bố cục, cách trình bày và nội dung kỹ thuật cơ bản, đồng thời các thí nghiệm đều được thông qua sự kiểm chứng chặt chẽ theo đúng quy trình quy định, dựa trên các tài liệu, tiêu chuẩn, phương pháp thử nghiệm, và các dẫn chứng khoa học, các nhóm tác giả đã cho thấy hai tiêu chuẩn dự thảo thay thế cho 2 tiêu chuẩn cũ đều có được sự thống nhất và liên quan mật thiết với các tiêu chuẩn phân tích hóa học mới ban hành, phù hợp với thực tế phát triển



Toàn cảnh cuộc họp nghiệm thu

của ngành sản xuất vật liệu chịu lửa, và là tài liệu tiêu chuẩn cần thiết để đảm bảo chất lượng cũng như tính an toàn của các vật liệu chịu lửa có chứa Alumo silicat và Crôm.

Các thành viên trong Hội đồng đã đánh giá cao việc các chủ nhiệm đề tài đưa ra được các phương pháp thử hợp lý, cấu trúc và nội dung tiêu chuẩn phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Tuy nhiên, cả 02 tiêu chuẩn thay thế đều cần phải chỉnh sửa lại các thuật ngữ chuyên ngành, thống nhất danh pháp hóa học trong tiêu chuẩn.

Chủ tịch Hội đồng Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường đã nhất trí với các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng và đề nghị chủ nhiệm các dự thảo tiếp thu và chỉnh sửa để tiêu chuẩn sớm được ban hành.

Với những nhận xét và đánh giá cao từ Hội đồng, cả 02 đề tài đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại Xuất sắc.

Quỳnh Anh

Hội nghị thẩm định đề án đề nghị công nhận thành phố Đồng Hới là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Quảng Bình

Ngày 21/7/2014, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định đề án đề nghị công nhận thành phố Đồng Hới là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Quảng Bình. Tham dự Hội nghị có Thứ

trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng thẩm định, các thành viên của Hội đồng thẩm định quốc gia về nâng loại đô thị đại diện cho các Bộ, ngành Trung ương, các Hội,

Hiệp hội chuyên ngành. Tham dự Hội nghị về phía địa phương có ông Nguyễn Xuân Quang - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình, đại diện lãnh đạo các Sở, ngành địa phương và UBND thành phố Đồng Hới.

Trình bày tóm tắt nội dung của Đề án, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Hới Trần Đình Dinh cho biết: thành phố Đồng Hới là tỉnh lỵ tỉnh Quảng Bình - tỉnh nằm trên dải đất duyên hải Bắc Trung bộ, nơi hẹp nhất theo chiều Đông - Tây của dải đất hình chữ S của Tổ quốc, có vị trí chiến lược quan trọng về nhiều mặt. Trong lịch sử hình thành và phát triển, Quảng Bình - Đồng Hới đã từng trải qua nhiều biến đổi thăng trầm gắn liền với những trang sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, đồng thời, đây cũng là nơi gặp gỡ của nhiều cộng đồng dân cư, nơi chứa đựng dấu ấn của nhiều nền văn minh. Thành phố Đồng Hới ngày nay là nơi hội tụ hệ thống giao thông vùng và quốc gia (Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, đường sắt Bắc Nam, Quốc lộ 12A đi cửa khẩu Cha Lo, cảng Nhật Lệ, cảng hàng không Đồng Hới), và cách cụm cảng biển Hòn La khoảng 60 km. Đó chính là những lợi thế để Đồng Hới kết nối và giao thương với các thành phố, các khu kinh tế trong tỉnh và cả nước cũng như với nước bạn Lào, vùng Đông bắc Thái Lan, các nước trong khu vực biển Đông... Bên cạnh đó, thiên nhiên đã rất ưu đãi mảnh đất này, với đường bờ biển dài gần 16 km và các bãi biển đẹp, sông Nhật Lệ nên thơ, đặc biệt là di sản Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (cách thành phố khoảng 50 km) cùng với hệ thống sông, suối, hồ, rừng nguyên sinh ở phía Tây thành phố, tất cả đã tạo cho Đồng Hới một sức hút và tiềm năng to lớn về du lịch, đặc biệt du lịch sinh thái và du lịch biển.

Năm 2003, thị xã Đồng Hới đã được công nhận là đô thị loại III theo Quyết định số 1425/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; năm 2004, Đồng Hới được công nhận là thành phố thuộc tỉnh Quảng Bình theo Nghị định số 156/2004/NĐ-CP của Chính phủ. Trên chặng



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị thẩm định

đường hơn 10 năm phấn đấu, mặc dù gặp nhiều khó khăn, song Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân địa phương bằng quyết tâm của mình đã đạt được những thành tích rất đáng tự hào. Đây là một trong những thành phố có mức tăng trưởng cao, tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2010 - 2013 đạt 12,32%/năm; GDP tăng đều và ổn định - năm 2013 đạt 2871 USD/người, bằng 1,46 lần so với GDP của cả nước; Cơ cấu kinh tế chuyển biến tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ; Đời sống nhân dân từng bước được nâng cao, phúc lợi xã hội được chú trọng; Tốc độ đô thị hóa nhanh; Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư nâng cấp đồng bộ theo hướng thành phố dịch vụ du lịch, văn minh và hiện đại. Đối chiếu với các quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP, thành phố Đồng Hới cơ bản đã hội tụ đủ các tiêu chuẩn của đô thị loại II. Việc nâng loại cho thành phố Đồng Hới thành đô thị loại II trực thuộc tỉnh Quảng Bình có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình nói chung và thành phố Đồng Hới nói riêng. Qua đó, thành phố sẽ tích lũy thêm được nhiều kinh nghiệm mới để nâng cao năng lực quản lý đô thị, tăng cường chất lượng

đô thị.

Các báo cáo phản biện của Bộ Nội vụ và Cục Phát triển đô thị - Bộ Xây dựng, ý kiến phát biểu của các thành viên Hội đồng thẩm định nhìn chung đều đánh giá cao những thành quả mà thành phố Đồng Hới đã đạt được trong những năm qua. Các chỉ tiêu như: thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ nhà kiên cố, diện tích sàn nhà ở, các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật, chiếu sáng công cộng, nước sinh hoạt... của thành phố đạt rất cao. Bên cạnh đó, vẫn còn một số điểm mà Hội đồng thẩm định nhận định còn chưa đạt, như 05 khu đô thị mới chưa đồng bộ (thể hiện sức hút đô thị chưa cao); thành phố chưa có những công trình quảng trường văn hóa - nghệ thuật, những công trình kiến trúc đậm bản sắc vùng đất Bắc Trung bộ. Các ý kiến của Hội Quy hoạch & phát triển đô thị Việt Nam, Hiệp hội các đô thị Việt Nam đều nhấn mạnh: địa phương nên tập trung đầu tư hơn vào công tác quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị, chú trọng cảnh quan hai bên bờ sông Nhật Lệ, tạo những công trình điểm nhấn đặc trưng cho miền đất gió Lào cát trắng, những công trình có sức tái hiện lịch sử hào hùng của Đồng Hới - mảnh đất đi lên từ khói lửa chiến tranh, mang sức sống quật cường của cả dân tộc. Đại diện Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch đề nghị: để phát huy tiềm năng lợi thế về du lịch, thành phố cần có chính sách và giải pháp nhằm hoàn thiện cơ sở hạ tầng du lịch, xây dựng các tuyến - tour du lịch gắn kết Đồng Hới với Vườn Quốc

gia và khu tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp, các tuyến du lịch nội vùng và liên vùng (tuyến Quảng Bình - Quảng Trị), phát triển các ngành dịch vụ phục vụ khách du lịch và coi phát triển du lịch là một định hướng cơ bản trong xây dựng và phát triển đô thị Đồng Hới.

Tổng hợp các ý kiến rất khách quan, sâu sắc của các đại biểu tham dự, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh nhất trí công nhận thành phố Đồng Hới là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Quảng Bình với số điểm trung bình 87,84 điểm. Theo Thứ trưởng, Đề án nâng loại đô thị của thành phố Đồng Hới đã được thực hiện rất nghiêm túc, mục tiêu tăng trưởng kinh tế bám sát Chương trình hành động thực hiện nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy, trong đó xác định xây dựng Đồng Hới đến năm 2015 trở thành đô thị loại II. Đề án đã thể hiện nhiều chỉ tiêu rất ấn tượng. Về một số chỉ tiêu đạt thấp của Đồng Hới như quy mô và mật độ dân số, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đề nghị UBND tỉnh Quảng Bình và thành phố Đồng Hới cần khẩn trương ban hành chính sách hoàn thiện các khu đô thị mới để thu hút dân cư. Bên cạnh đó, cùng với Quảng Bình quan, tượng đài Mẹ Suốt, Đồng Hới còn cần thêm nhiều công trình mang tính biểu tượng, xứng tầm với một đô thị loại II - một đô thị du lịch xanh sạch đẹp trong tương lai, một điểm dừng khó quên trong lòng mỗi du khách khi đến với “khúc ruộng miền Trung”.

Lệ Minh

Hội nghị thẩm định Đề án Quy hoạch tổng thể bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích thành Cổ Loa (tỷ lệ 1:2000)

Ngày 23/7/2014, tại Bộ Xây dựng, Hội nghị thẩm định Đề án Quy hoạch tổng thể bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích thành Cổ Loa đã diễn ra dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn - Chủ tịch Hội đồng thẩm

định. Tham dự Hội nghị có ông Phạm Văn Châm - Chủ tịch UBND huyện Đông Anh; đại diện Cục Di sản, đại diện Trung tâm bảo tồn di tích Cổ Loa, cùng đông đủ các thành viên Hội đồng đến từ các Bộ ngành TW, các Hội nghề

Việt Nam và một số Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng.

Báo cáo tóm tắt nội dung Đồ án, đại diện Viện Quy hoạch đô thị & nông thôn Quốc gia (VIUP) - cơ quan lập đồ án đã nêu rõ sự cần thiết cũng như các cơ sở pháp lý của đồ án. Theo đó, quy hoạch chi tiết Khu di tích thành Cổ Loa tỷ lệ 1:2000 đã được phê duyệt năm 2002 tại Quyết định 173/2002/QĐ-UB của UBND thành phố Hà Nội. Năm 2012, Khu di tích mới được Nhà nước xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia đặc biệt, là một trong 34 di tích Việt Nam có giá trị tiêu biểu quốc gia. Trải qua nhiều năm tháng, hiện trạng xuống cấp và mất dấu di sản; song song đó là tiến trình đô thị hóa mạnh mẽ đã và đang đe dọa tính toàn vẹn của Khu di tích chính là lý do cho những đòi hỏi cấp bách về một chính sách bảo tồn tổng thể. Nhiệm vụ Quy hoạch tổng thể bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 14/8/2012 tại Quyết định 1083/QĐ-TTg. Đây chính là căn cứ pháp lý để VIUP tiến hành lập Đồ án.

Khu di tích thành Cổ Loa nằm ở phía bắc trung tâm thành phố Hà Nội. Theo sơ đồ giao thông hiện tại, Cổ Loa nằm giữa trung tâm Hà Nội và trung tâm huyện Đông Anh theo đường Quốc lộ 3, cách Hà Nội khoảng 25 km và Đông Anh khoảng 4 km. Phạm vi quy hoạch lần này phủ lên hầu như toàn bộ địa bàn xã Cổ Loa và một phần các xã Dục Tú, Việt Hùng, Uy Nỗ (huyện Đông Anh). Trong lịch sử từ ngàn xưa của dân tộc, Cổ Loa là điểm chuyển tiếp của mối quan hệ Vĩnh Phú - Cổ Loa - Thăng Long, thể hiện những bước tiến của cha ông từ thượng nguồn xuống hạ lưu để mở mang bờ cõi. Trong quy hoạch chung Hà Nội, vị trí Cổ Loa đòi hỏi hài hòa nhiều yếu tố, do vị trí là giao điểm của nhiều trục quan trọng: trục cảnh quan lịch sử Cổ Loa - sông Hồng - hồ Tây - Ba Vì; tuyến hành lang xanh sông Cà Lồ - đầm Vân Trì (lối xanh của huyện Đông Anh); tuyến tổ chức sự



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn chủ trì Hội nghị thẩm định

kiện lịch sử, văn hóa, thể thao, du lịch Cổ Loa - Trung tâm ASIAD - Trung tâm triển lãm Quốc tế - sông Hồng... Chính vì tính tổng hợp nên Đồ án được nhận định là một Đồ án khó, đòi hỏi tính chuyên nghiệp và kinh nghiệm rất cao của đơn vị tư vấn.

Trong Đồ án này, tư vấn đã xác định mục tiêu nổi bật nhất của quy hoạch là xây dựng một lộ trình khả thi để Khu di tích trở thành một “Công viên Lịch sử - Sinh thái - Nhân văn của Thủ đô Hà Nội”. Đây là một bước tiến cơ bản trong chủ trương của TW đối với địa bàn, nêu bật giá trị của khu di tích về mặt lịch sử, các giá trị dân cư và môi trường.

Trên tinh thần đó, VIUP đã thực hiện đồ án bài bản, với nội dung thể hiện ở 03 phần riêng biệt: quy hoạch phân khu tỷ lệ 1:2000 Khu di tích thành Cổ Loa; đề án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích; quy chế quản lý đầu tư xây dựng, bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích thành Cổ Loa. Tư vấn đã đánh giá khá kỹ hiện trạng Khu di tích (điều kiện tự nhiên, hiện trạng dân cư, hiện trạng sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan kiến trúc và môi trường...), đánh giá thực trạng triển khai quy hoạch năm 2002 và các dự án liên quan; trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp quy hoạch và thiết kế đô thị, những đề xuất bảo tồn rất khoa học. Theo đó, hệ thống di tích làng cổ bao bọc quần thể di tích lõi có nhiều liên quan tới

các giá trị tinh thần và lịch sử từ thời An Dương Vương còn được lưu lại khá nhiều (đền thờ An Dương Vương, giếng Ngọc, Ngự Xà Đài...) sẽ được bảo tồn như lõi tinh thần trong đời sống cư dân các làng trong Khu di tích. Lốp ngoài cùng bao bọc toàn thể Khu di tích là môi trường canh tác rộng lớn lâu đời, không chỉ đóng vai trò một vùng bảo vệ hiệu quả mà còn tạo nên một bức tranh tổng thể có nét đậm nét nhạt, có những nét chấm phá vừa đa dạng vừa đặc thù. Đồ án thể hiện rõ quan điểm của tư vấn: Cổ Loa là một di sản sống đòi hỏi cách tiếp cận thận trọng và toàn diện.

Các thành viên Hội đồng thẩm định đều nhất trí đánh giá cao sự công phu cũng như khối lượng công việc đồ sộ mà tư vấn đã thực hiện trong quá trình lập Đồ án. Các thành viên Hội đồng đặc biệt lưu ý tư vấn về tính khả thi của đồ án thông qua một số vấn đề như giải tỏa dân cư, khả năng tài chính, quy mô đất... Tư vấn cần bám sát định hướng quy hoạch mở, và xây dựng Khu di tích thành công viên sinh thái đặc trưng của Thủ đô. Các số liệu, tên bản vẽ, bảng biểu cũng cần được rà soát cho chính xác và thống nhất, để Đồ án mang tính thuyết phục. Lãnh đạo UBND huyện Đông Anh - địa phương thụ hưởng thành quả của Đồ án - và đại diện

Cục Di sản, đại diện Trung tâm bảo tồn di tích Cổ Loa đều chung quan điểm: vấn đề giãn dân - di dân cần được chú trọng để đảm bảo thành công cho Đồ án

Kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn nhận định: Đây là một Đồ án phức tạp, liên quan tới di tích rất đặc biệt, song đã được tư vấn thực hiện tốt. Bên cạnh đó, Thứ trưởng đề nghị tư vấn trong Đồ án cần cụ thể hóa các giải pháp di dời dân cư; chỉnh trang đảm bảo mỹ quan, cảnh quan Khu di tích; chú ý nghiên cứu quy hoạch cụ thể trục đường chính vào Khu di tích, với khu vực chợ, bãi đỗ xe trên trục này. Về du lịch, Thứ trưởng gợi ý chỉ nên tập trung vào những tuyến du lịch chính, tránh dàn trải. Việc xây dựng các công trình mới như bảo tàng, việc phục chế di tích nên có sự cân nhắc kỹ của tư vấn và địa phương.

Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn giao tư vấn khẩn trương tiếp thu chỉnh sửa Đồ án trong vòng 01 tháng theo ý kiến đóng góp của các Bộ ngành, có văn bản giải trình, đồng thời cô đọng hơn nội dung các phần trong Đồ án để trình Thủ tướng Chính phủ trong thời gian sắp tới.

Lệ Minh

Việc áp dụng tiêu chuẩn châu Âu (Eurocode) tại nước Cộng hòa Belarus

1. Tiêu chuẩn châu Âu (Eurocode) là khái niệm về sự tin cậy của chất lượng

Mặc dù công nghệ mới và vật liệu xây dựng mới đã và đang được sử dụng rộng rãi trong xây dựng hiện đại, tuy nhiên kết cấu bê tông và bê tông cốt thép (BTCT) vẫn giữ vị trí hàng đầu, trong nhiều trường hợp, tỏ ra thích hợp hơn kết cấu thép hoặc đá. Nhà ở và nhà công cộng cao tầng, cầu, đường sá, công trình xây dựng ở biển, kết cấu không gian thành mỏng, đường ống áp lực, móng của máy cán và máy có tải

trọng động, tháp, ống khói cao, tường chắn - đây chưa phải là một danh sách đầy đủ về các ứng dụng cụ thể của BTCT.

Cấu kiện BTCT được chế tạo hoàn chỉnh tại nhà máy và các kết cấu liên khối được thi công ngay tại công trường là những loại kết cấu đã và đang được sử dụng đặc biệt phổ biến. Trên thực tế, đối với các loại sản phẩm nêu trên, các yêu cầu về chất lượng và an toàn vẫn giữ vị trí rất quan trọng. Sự khác biệt duy nhất là ngày nay các giải pháp còn được đánh giá từ quan điểm

kinh tế. Đáng ngạc nhiên là kinh nghiệm của châu Âu cho thấy cách tiếp cận có hệ thống trong xây dựng các chỉ tiêu chất lượng đối với BTCT có khả năng bảo đảm giảm được chi phí vật liệu. Điều đó được thể hiện rõ ràng trên nhiều công trình của Litva xây dựng tại thành phố Minsk.

Vấn đề áp dụng kinh nghiệm của châu Âu vào thực tiễn Belarus được các báo cáo tham luận và các đại biểu giới thiệu tại Hội thảo "Kết cấu bê tông và BTCT trong xây dựng hiện đại". Hội thảo do Bộ Kiến trúc và Xây dựng Belarus phối hợp với Viện khoa học xây dựng Belarus (Viện KHXD Belarus) tổ chức.

Đối với đại biểu là các nhà thiết kế và sản xuất kết cấu BTCT, Hội thảo là một cơ hội nâng cao năng lực chuyên môn và một bước đi thực tế tiến tới áp dụng các văn bản pháp quy mới và các quy định mới về thiết kế, vật liệu mới và công nghệ xây dựng vào thực tế. Các sản phẩm đổi mới thúc đẩy việc sử dụng nhiều hơn và tốt hơn các tiềm năng cho việc nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp xây dựng trên thị trường thế giới.

Mong muốn của các thành viên tham gia quá trình xây dựng mở rộng sự hiện diện của họ trên thị trường thế giới nói chung và thị trường châu Âu nói riêng là động lực quan trọng cho việc áp dụng Hệ thống tiêu chuẩn châu Âu.

Nhiều năm qua Belarus đã triển khai việc áp dụng các Tiêu chuẩn châu Âu trong công tác thiết kế. Giai đoạn quan trọng là biên soạn các ứng dụng quốc gia trên cơ sở các chỉ tiêu được đề xuất trong Hệ thống tiêu chuẩn châu Âu Eurocode. Các chỉ tiêu đó có thể được thay thế bằng các thông số được xác định cho mục đích áp dụng trên phạm vi quốc gia, có tính đến sự khác biệt về điều kiện địa lý hoặc khí hậu (như gió hoặc tuyết), với mức độ an toàn khác nhau, giữ vị trí chi phối trên cấp khu vực hoặc địa phương. Các thông số nêu trên được thể hiện thông qua các lớp, các ký hiệu và các phương pháp được chọn.

Việc các Tiêu chuẩn châu Âu được áp dụng như là các văn bản pháp quy kỹ thuật thiết lập từ thực tiễn (viết tắt là TKP EN) và các tiêu chuẩn quốc gia Belarus (viết tắt là STB EN) và sau đó được bổ sung vào hệ thống quốc gia các văn bản pháp quy về kỹ thuật của Belarus (viết tắt là TNPA), cho phép không phải thay đổi hệ thống tiêu chuẩn, định mức quốc gia mà vẫn có thể chuyển đổi hài hòa sang áp dụng các phương pháp thiết kế mới.

Theo Tiến sỹ Viktor Tur, một thành viên tham gia soạn thảo văn bản pháp quy quốc gia về kỹ thuật của Belarus (TNPA) tại các cuộc trao đổi diễn ra 10 năm trước, các tác giả của cuộc đổi mới đã kịch liệt phê phán sự thay đổi trong hệ thống các ký hiệu chữ cái. Ngày nay, đây chỉ là một bước đi rất đơn giản là chuyển sang áp dụng hệ thống thống nhất duy nhất các ký hiệu cho phép chuyển đổi hoàn toàn không mấy khó khăn từ Tiêu chuẩn xây dựng Belarus SNB 5.03.01 sang Tiêu chuẩn châu Âu 2 (Eurocode 2).

Vì vậy, hôm nay chúng ta có thể sử dụng các quy định mang tính tiên tiến và hợp lý về kinh tế của pháp luật châu Âu trong lĩnh vực xây dựng; những quy định đó cho phép nâng cao độ tin cậy, độ bền và hiệu quả của kết cấu BTCT.

Theo kế hoạch triển khai các biện pháp, tất cả các quy định kỹ thuật được thiết lập từ thực tế mà tương tự như các Tiêu chuẩn châu Âu và được sử dụng trong tính toán và thiết kế các loại vật liệu đều đã được các Bộ quản lý ngành lập và phê duyệt. Tuy nhiên, các nhà thiết kế trong nước không vội vã triển khai áp dụng các cách tiếp cận châu Âu vào hoạt động thực tế hàng ngày của họ. Sự thận trọng được thể hiện rõ trong các câu hỏi đặt ra cho các báo cáo viên cũng như sự phản hồi từ những đại biểu dự Hội thảo đã khẳng định điều đó. Tình trạng tương tự cũng đã nảy sinh tại các cuộc thảo luận, một số nguyên nhân cả khách quan và chủ quan đã được nêu ra, theo đó một mặt là do tính ỳ trong tư duy, sự cản trở mang tính tự nhiên đối với sự

đổi mới, tình trạng thiếu trình độ chuyên môn. Mặt khác, do tình trạng không đủ khả năng bảo đảm tuân thủ các quy trình và các chỉ tiêu trong điều kiện sản xuất thực tế trong nước.

Một trong những trở ngại lớn đối với việc áp dụng rộng rãi các Tiêu chuẩn châu Âu về thiết kế là do trình độ năng lực của các chuyên gia trong nước còn thấp. Trả lời cho các câu hỏi do các đại biểu nêu ra, TS. Victor Tur cho rằng: "Trên thực tế, đoạn thứ ba của bất kỳ một Tiêu chuẩn châu Âu nào, trong đó có Tiêu chuẩn châu Âu về thiết kế kết cấu, đều có một điều khoản nêu ra rằng các quy định chỉ có hiệu quả và cho kết quả đúng khi có sự tham gia của đội ngũ chuyên gia có trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhất định vào giai đoạn thiết kế, xây dựng và đưa công trình vào sử dụng. Do đó tiêu chuẩn cũng khẳng định rằng không chịu trách nhiệm khi lỗi trầm trọng là do yếu tố con người và các hoạt động không bảo đảm trình độ nghề nghiệp. Tuy nhiên, các chỉ tiêu riêng biệt đã không được hiệu chỉnh có tính đến sự không chắc chắn liên quan đến sự tham gia của nhân viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ thấp. Các chỉ tiêu đó được hiệu chỉnh trên cơ sở những thông tin mà chúng tôi đã thu thập được về sự thay đổi của các thông số cơ bản tham gia vào các mô hình tính toán sức bền và ảnh hưởng của tác động, kết hợp với tính không xác định của bản thân các mô hình tính toán".

Các đại biểu dự Hội thảo hầu như nhất trí rằng các Tiêu chuẩn châu Âu ngày nay hoàn toàn có thể được các nhà thiết kế chấp nhận và áp dụng không mấy khó khăn do nhiều bước đi về mặt pháp lý đã được triển khai theo hướng này. Cơ sở phương pháp luận của các Tiêu chuẩn châu Âu là khái niệm trạng thái giới hạn được sử dụng kết hợp với từng phần riêng biệt của các yếu tố an toàn đã quen thuộc với các chuyên gia của chúng ta.

TS. Victor Tur cho biết: "Phương pháp trạng thái giới hạn do GS. Streletskyi đề xuất vào năm 1953 và dựa trên nguyên tắc của thống kê

toán học và lý thuyết xác suất; phương pháp này vẫn tiếp tục được sử dụng cho đến ngày nay và không có gì mới so với lúc được nêu ra. Với các Tiêu chuẩn châu Âu chúng ta có cơ hội quay trở lại với phương pháp đó. Nếu nói về các phương pháp tính toán thì đó là các phương pháp đã được biết đến của Murashov - Neverovskiy. Đây là các phương pháp thông tin đã được sử dụng vào thời gian Liên Xô trước đây, nhưng đã được phát triển đầy đủ và mạnh mẽ trên thế giới. Đơn giản chỉ là chúng ta quay trở về với những gì đã được làm ra ở Liên Xô trước đây.

Nói về các quy định cụ thể thì đó là những quy định đang được chỉnh lý. Kể từ ngày 01/01/2013 các tổ công tác bắt đầu triển khai công việc bổ sung Tiêu chuẩn châu Âu trên cơ sở các đề xuất đã được nêu ra. Đến năm 2018, chúng ta sẽ nhận được các tiêu chuẩn có nội dung đã hoàn toàn được đổi mới.

Các Tiêu chuẩn châu Âu không nên bị lý tưởng hóa. Điều duy nhất chúng ta cần phải đặc biệt chú ý đó là Hệ thống Tiêu chuẩn châu Âu là một hệ thống tiêu chuẩn khác hẳn với các tiêu chuẩn quốc gia của chúng ta hiện nay. Hệ thống các tiêu chuẩn quốc gia hiện có không chia sẻ một khái niệm chung về độ tin cậy, đó cũng là tình trạng chung đối với hệ thống các tiêu chuẩn và quy phạm xây dựng SNIIP. Tuy nhiên, để có khả năng thực hiện sự so sánh về mặt kinh tế đối với các phương án lựa chọn, chúng ta cần phải có các hệ thống với cùng một mức độ tin cậy.

Trong số các tiêu chuẩn thuộc hệ thống Tiêu chuẩn châu Âu, Tiêu chuẩn châu Âu EN 1990 là nền tảng. Tiêu chuẩn này là cơ sở cho việc thiết kế tạo nên khái niệm về sự tin cậy, còn các tiêu chuẩn khác có thể được hiệu chỉnh".

Hệ thống Tiêu chuẩn châu Âu bao quát tất cả các loại vật liệu xây dựng chủ yếu (bê tông, sắt thép, gỗ, đá/gạch và nhôm), tất cả các lĩnh vực chủ yếu của việc thiết kế kết cấu (cơ sở

thiết kế kết cấu, tải trọng, cháy, thiết kế địa kỹ thuật, động đất, vv...), cũng như một danh mục dài các loại kết cấu và sản phẩm (nhà, cầu, cột và tháp, silo, vv...). Các Tiêu chuẩn châu Âu nêu ra các quy định chung sử dụng hàng ngày cho việc thiết kế kết cấu và bộ phận kết cấu mang tính truyền thống và đổi mới.

Các nhà khoa học Belarus được khuyến nghị triển khai các hoạt động nghiên cứu, thiết kế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển sang áp dụng các tiêu chuẩn thiết kế của châu Âu. Chuyên gia của Viện KHXD Belarus đã phát triển một bộ mẫu kết cấu BTCT theo Tiêu chuẩn châu Âu: Tất cả mọi thứ từ vữa và cốt thép cho đến các phương pháp thiết kế và thi công, vv... Hiện nay, một tập hợp các bản vẽ chế tạo đã được lập để phục vụ cho việc sản xuất các mẫu sản phẩm thử nghiệm; bộ hồ sơ sản xuất bộ sản phẩm thử nghiệm đã được hoàn thành. Bước tiếp theo là triển khai sản xuất hàng loạt loại sản phẩm đó. Tuy nhiên, giai đoạn này đã nảy sinh những trở ngại khách quan mang tính kinh tế vĩ mô, chính sách và xã hội.

Các báo cáo tham luận tại Hội thảo nhiều lần nhắc lại rằng việc đưa vào áp dụng các Tiêu chuẩn châu Âu và định mức thiết kế trong Tiêu chuẩn châu Âu sẽ tạo ra sự tác động tích cực đến ngành xây dựng trong nước, do các Tiêu chuẩn châu Âu nâng cao yêu cầu đối với chất lượng. Việc bảo đảm chất lượng cần thiết cho sản phẩm đòi hỏi không chỉ sự hiện đại hóa một cách căn bản quy trình sản xuất mà còn tạo ra khả năng kiểm tra chất lượng trên từng giai đoạn. Đó là, thành lập các phòng thí nghiệm tại nhà máy và trang bị cho các phòng thí nghiệm đạt đến trình độ kỹ thuật hiện đại.

Năm 2010, Bộ Kiến trúc và Xây dựng Belarus đã phê duyệt chương trình hành động ưu tiên thực hiện các Tiêu chuẩn Châu Âu trong sản xuất BTCT lắp ghép và trang bị cho các phòng thí nghiệm cho giai đoạn 2010-2011. Kết quả thực hiện các giai đoạn của chương trình là hàng loạt doanh nghiệp sản xuất BTCT lắp

ghép đã được nhận nhãn hiệu SE đối với tấm sàn rỗng, điều đó cho phép họ xuất khẩu sản phẩm ra ngoài phạm vi Belarus.

2. Kinh nghiệm áp dụng Tiêu chuẩn châu Âu 2 “Thiết kế kết cấu BTCT”

Sự cần thiết áp dụng các Tiêu chuẩn châu Âu vào lĩnh vực xây dựng tại Belarus nảy sinh từ nhiệm vụ đặt ra đối với ngành trong việc nâng cao chất lượng của nhà và công trình được xây dựng, của vật liệu và kết cấu được sản xuất, nâng cao khả năng cạnh tranh của các loại sản phẩm đó trên thị trường trong nước và nước ngoài trong bối cảnh cần thiết hợp lý hóa các chi phí về nhân lực, vật liệu, năng lượng và tài chính.

Một sự kiện quan trọng trong quá trình chuyển ngành xây dựng Belarus sang áp dụng hệ thống các Tiêu chuẩn châu Âu là sự ban hành quy định kỹ thuật mang nội dung tương tự như Chỉ thị châu Âu số 89/106, một bộ các Tiêu chuẩn châu Âu, bao gồm cả Tiêu chuẩn TKP EN 1992-1-1, nhằm điều chỉnh các quy tắc thiết kế kết cấu BTCT.

Kinh nghiệm áp dụng Tiêu chuẩn châu Âu TKP EN 1992-1-1 trong thiết kế kết cấu BTCT

Dự án quan trọng do Viện KHXD Belarus thực hiện phù hợp với Văn bản pháp quy kỹ thuật thiết lập từ thực tế TKP EN 1992-1-1 là Dự án "Phát triển các bản vẽ thi công sản xuất cấu kiện BTCT lắp ghép sử dụng trong xây dựng công trình công nghiệp và nông nghiệp".

Dự án đã được bắt đầu triển khai vào mùa xuân năm 2011 và đến nay vẫn đang được tiếp tục. Chủ đầu tư của chương trình là Công ty liên doanh Belarus-Italia. Hiện tại, chương trình đã hoàn thành các bản vẽ cho việc sản xuất thí điểm lô sản phẩm với gần 250 kích thước mẫu cho các loại sản phẩm BTCT lắp ghép.

Trong số đó có: 50 loại cột; 8 kích thước mẫu các tấm mái kiểu "2 T"; 2 loại dầm xà "boomerang" nhịp dài 17 m không thuộc loại dầm có profil dẫn hướng; 9 phương án dầm có

profil dẫn hướng nhịp dài 14 - 20 m loại dầm hồi; dầm nghiêng tiết diện hình chữ T nhịp dài 7,4 m; trên 160 kiểu tấm tường; 2 kiểu móng lắp ghép; một số lượng lớn các cấu kiện BTCT lắp ghép phụ trợ sử dụng cho việc thi công hoàn chỉnh một ngôi nhà.

Theo nhiệm vụ kỹ thuật sản xuất cấu kiện BTCT lắp ghép nêu tại Dự án trên, đối với kết cấu chịu lực cần sử dụng bê tông mác S 40/50, kết cấu tự chịu lực - bê tông mác S 32/40.

Như đã biết việc sử dụng bê tông có cường độ chịu lực quá cao trước hết sẽ làm tăng chi phí sản xuất sản phẩm. Tuy nhiên, trên thực tế khi sử dụng cốt liệu bảo đảm chất lượng, được rửa sạch và có thành phần cỡ hạt phù hợp thì sự tăng đáng kể mức tiêu thụ xi măng đã không diễn ra. Ví dụ, việc chế tạo loại kết cấu nêu trên sử dụng xi măng mác M500 DO, đối với bê tông mác S 40/50 lượng xi măng được sử dụng là 515 kg/m^3 và bê tông mác S32/40 - là 450 kg/m^3 .

Tiêu chuẩn hóa các đặc tính biến dạng của bê tông

Theo Văn bản pháp quy kỹ thuật thiết lập từ thực tế TKP EN 1992-1-1, mô đun đàn hồi được xem như mô đun tiếp tuyến và được xác định đối với biểu đồ biến dạng thực tế của bê tông. Mô đun này gần bằng với tang của góc nghiêng của cát tuyến tương ứng với nhánh đi từ dưới lên của tải trọng nhanh. Giá trị của mô đun này được xác định thông qua biểu đồ "óc-c" nhận được từ thí nghiệm nén một trục. Giá trị của mô đun đàn hồi Ec tính đến một phần nào đó của biến dạng không thuận nghịch, trong đó không có dữ liệu về sự cần thiết điều chỉnh mô đun đàn hồi trong quá trình thực hiện các tính toán đàn hồi tuyến tính.

Việc tiêu chuẩn hóa các biểu đồ đặc tính và biểu đồ tính toán sự biến dạng của cốt thép theo Tiêu chuẩn xây dựng Belarus SNB 5.03.01 và Văn bản pháp quy kỹ thuật thiết lập từ thực tế TKP EN 1992-1-1

Theo TKP EN 1992-1-1 giới hạn dưới của

các giá trị tính toán đối với sự biến dạng giới hạn tương đối đối với các loại thép khác nhau thay đổi trong khoảng từ 2,25% đến 6,75%. Như vậy, so với các giới hạn nêu tại Tiêu chuẩn xây dựng Belarus SNB 5.03.01 (cũng như nói chung tại hàng loạt các nhánh tiêu chuẩn Eurocode 2) $\#ud = 10\%$, sự biến dạng cho phép của cốt thép tăng đáng kể, điều đó cho phép trong chừng mực nào đó thiết kế kết cấu một cách tiết kiệm hơn.

Về việc áp dụng phương pháp hàn đôi với các bộ phận của khung đã được chế tạo hoàn chỉnh

Trong số tất cả các loại cấu kiện đã được chế tạo hoàn chỉnh và phù hợp với Văn bản pháp quy kỹ thuật thiết lập từ thực tế TKP EN 1992-1-1, phương pháp hàn cốt thép không được áp dụng (trừ khi lưới cốt thép được chế tạo từ dây thép). Tất cả các loại khung đều được chế tạo bằng phương pháp buộc. Theo Tiêu chuẩn quốc gia Belarus SNB EN 10080-2011 "Cốt thép trong kết cấu BTCT. Cốt thép hàn. Điều kiện kỹ thuật chung", những yêu cầu đặt ra đối với các đặc tính kỹ thuật của cốt thép và sản phẩm cốt thép hàn đều tương tự như nhau.

Do vậy, chỉ cần sử dụng loại cốt thép buộc trong kết cấu BTCT là đã có thể đáp ứng được các yêu cầu nêu tại Tiêu chuẩn quốc gia Belarus STB EN 10080 cũng như tiêu chuẩn tham chiếu là Tiêu chuẩn châu Âu 2 (Eurocode 2). Trong điều kiện đơn vị sản xuất được trang bị các loại thiết bị phù hợp, việc chế tạo cấu kiện cốt thép bằng phương pháp buộc không phải là một vấn đề phức tạp và tốn kém.

*Nguồn: Báo Xây dựng Belarus,
ngày 26/5/2014*

ND: Huỳnh Phước

Nhựa đường polyme làm chất kết dính - Công nghệ sản xuất, lưu trữ, vận chuyển và kiểm tra chất lượng

Hiện nay, thay vì sử dụng nhựa đường làm lớp phủ bên trên các tuyến đường ô tô, các nhà xây dựng ngày càng ứng dụng nhiều hơn vật liệu kết dính (có các tính chất cơ - lý ưu việt hơn hẳn so với nhựa đường, đặc biệt trong điều kiện nhiệt độ không thuận lợi). Đặc tính mới của loại vật liệu này là độ đàn hồi. Hơn nữa, nếu thay đổi tỷ lệ các thành phần trong khi sản xuất vật liệu có thể thu nhận được vật liệu có độ đàn hồi và nhiệt độ hóa mềm phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của từng vùng miền. Đó chính là nhựa đường polyme (PMB) được chế tạo theo tiêu chuẩn GOST P 52056 - 2003.

Việc ứng dụng PMB cho phép thay đổi khá nhiều tình trạng của các tuyến quốc lộ, phòng tránh tối đa các vết rạn nứt và các rung chấn. Sử dụng PMB trong thành phần hỗn hợp bê tông nhựa át phan thay cho bê tông đảm bảo nâng cao thời gian bảo hành của các nhà thầu đối với các lớp áo đường từ 5 - 7 năm. Song tất cả những ưu điểm này chỉ có thể đạt được, nếu vật liệu được sản xuất, lưu trữ, vận chuyển và sử dụng đúng quy cách. Tập đoàn "Tiến bộ kỹ thuật" của Nga được thành lập năm 1995, khởi đầu chỉ là một doanh nghiệp sản xuất PMB. Trong khoảng thời gian từ 1995 tới nay, hơn 70 nghìn tấn vật liệu do Tập đoàn sản xuất đã được ứng dụng rộng rãi trên các con đường thuộc vùng Moskva, các tuyến quốc lộ M1, M2 và M4 của Liên bang. Trong những năm gần đây, với bề dày kinh nghiệm, kiến thức được tích lũy, Tập đoàn không chỉ dừng bước ở những kết quả nghiên cứu khoa học, mà còn đi vào thực tế sản xuất và ứng dụng PMB trong lĩnh vực xây dựng cầu đường.

Tập đoàn đã giải quyết rất nhiều vấn đề liên quan tới việc chế tạo PMB. Một trong những vấn đề đó là sự hòa tan polyme trong nhựa đường - được giải quyết bởi việc sử dụng các thiết bị có lực trượt lớn. Tùy vào thành phần của

polyme được nghiền thành bột, hay thành hạt, những thiết bị phù hợp sẽ được áp dụng. Polyme được ứng dụng tại Nga - dù là sản xuất nội địa hay nhập khẩu - đều đồng nhất về chất lượng, và theo nguyên tắc - tỷ lệ phần trăm của nguyên liệu này trong thành phần PMB là như nhau. Tuy nhiên, giá thành polyme nhập khẩu trên thị trường Nga cao hơn giá nội địa tới 30%. Công nghệ sản xuất PMB mà Tập đoàn đang áp dụng bao gồm cả tổ hợp thiết bị công nghệ 02 máy trộn nghiền tốc độ cao, bộ phận cung cấp nhiệt, máy nén khí và thiết bị gia nhiệt. Quá trình sản xuất nhựa được bắt đầu bằng việc sấy nóng nhựa đường 60/70 lên tới khoảng 180 - 190°C, và trộn với các loại phụ gia. Hỗn hợp được khuấy trộn trong hệ thống máy nghiền. Trước khi các nguyên liệu được đưa vào phối trộn, hệ thống cân tự động sẽ điều chỉnh khối lượng theo từng mẻ trộn. Tốc độ cung cấp vật liệu cũng được kiểm soát chặt chẽ trong quá trình trộn. Đối với từng mẻ trộn, nhà sản xuất đều thử các chỉ tiêu kỹ thuật để có sự điều chỉnh cần thiết cho phù hợp với chất lượng được yêu cầu. Sau cùng, sản phẩm nhựa được đưa vào bồn chứa.

Việc điều khiển thiết bị trong toàn bộ chu trình sản xuất PMB được thực hiện bởi hệ thống điều khiển đặc biệt, có thể bảo đảm năng suất sản xuất cũng như chất lượng của sản phẩm. Một vấn đề khác - lưu trữ PMB đúng quy cách. Chất lượng PMB rất dễ bị suy giảm trong quá trình lưu trữ, nhất là độ ổn định lưu trữ, trong khi theo các quy định về chỉ tiêu chất lượng thì nhiệt độ hóa mềm, độ đàn hồi, độ ổn định lưu trữ là những chỉ tiêu quan trọng nhất để đánh giá chất lượng PMB. Nếu thiết bị chế tạo PMB được lắp đặt ngay trong các cơ sở sản xuất nhựa át phan, thì lượng PMB thu nhận được sẽ đáp ứng tối đa cho việc sản xuất bê tông nhựa át phan chất lượng cao. Trong các trường hợp

cơ sở sản xuất nhựa át phan tiếp nhận PMB từ các nhà sản xuất khác, độ ổn định lưu trữ của PMB vô cùng quan trọng. Chỉ tiêu này nhằm đánh giá mức độ tách polyme khỏi nhựa đường trong quá trình lưu trữ. Khi bảo quản lâu ở nhiệt độ 140 - 160°C, sự phân tách PMB sẽ diễn ra. Và nếu đưa PMB phân tách vào sản xuất, chất lượng bê tông nhựa sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp, kéo theo chất lượng và tuổi thọ của cả công trình bị giảm sút. Bởi vậy, trước khi sử dụng, PMB cần được trộn kỹ nhờ các máy khuấy (được lắp đặt trong bồn chứa nhựa đường). Các máy này có công dụng kháng lại sự phân tách nhựa đường và polyme, tạo sự đồng nhất về chất lượng PMB trong toàn hỗn hợp, đảm bảo tính chất tại mỗi điểm là như nhau. Các chuyên gia của Tập đoàn cũng đã nghiên cứu vấn đề này và tiến hành các thí nghiệm đối với hiện tượng phân tách PMB khi vận chuyển vật liệu dưới dạng nhựa đường nóng trên những chặng đường xa; đồng thời sáng chế hệ thống gia nhiệt hiện đại và máy khuấy tốc độ tới trên 1000 vòng/phút để khắc phục tình trạng phân tách; đảm bảo tính đồng nhất và chất lượng tốt cho bê tông nhựa.

Cuối năm 2009, Tập đoàn đã tiến hành sửa chữa cơ bản tuyến Quốc lộ A-151 của Liên bang, đưa hơn 280 tấn PMB vượt quãng đường xấp xỉ 1.000 km đến công trường thi công. Các mẫu PMB trước và trong khi đang vận chuyển từ các xe bồn chứa nhựa đường đã được lấy ra để kiểm nghiệm. Kết quả cho thấy: các chỉ số cơ - lý của tất cả các mẫu đều như nhau - tức là: PMB trước hết không phân tách, mà ngược lại trong quá trình di chuyển lại tiếp tục được khuấy trộn. Ngoài ra, các chỉ số của PMB không hề suy giảm, dù thời gian vận chuyển khá lâu (hơn 16 giờ đồng hồ) với mức nhiệt độ 150 -165oC. Cuối cùng là: PMB chảy tốt từ các

xe bồn ở nhiệt độ 140°C.

Một số vấn đề khác xuất phát từ những yêu cầu thực tế của người sử dụng PMB cũng đã được Tập đoàn nghiên cứu giải quyết. Đó là tính ổn định trong các chỉ số của thành phẩm (dù các chỉ số của nguyên liệu nhựa đường đầu vào có khác nhau); các vấn đề liên quan tới lực bám dính của PMB đối với các vật liệu khoáng; thành phần đặc biệt của PMB mác 130 dành cho việc gia công xử lý phần bề mặt; và nhiều vấn đề khác phát sinh trong quá trình sản xuất PMB.

Bên cạnh việc sản xuất PMB, từ năm 2000, Tập đoàn cũng cho ra đời sản phẩm mattit làm đường; và từ năm 2003 đã đăng ký bằng sáng chế, đồng thời đưa vào sản xuất chất kết dính hữu cơ thế hệ mới (theo đánh giá của các trung tâm kiểm định độc lập - đạt hiệu quả cao nhất trong các sản phẩm cùng loại đang được áp dụng tại Nga hiện nay).

Từ năm 2008, Tập đoàn đã cho ra đời các băng nối PMB. Băng được ứng dụng để hàn kín các vị trí tiếp giáp giữa bê tông nhựa rải nóng với lớp phủ cũ. Một sản phẩm khác cũng được nghiên cứu và cho ra đời trong thời gian này là nhựa "Prestige" chuyên dùng để bịt kín các khe nứt, các biến dạng của các lớp phủ bằng bê tông trên các đường băng sân bay, các mối nối và khe nứt trong các lớp phủ bằng bê tông và bê tông nhựa.

Hiện nay, Tập đoàn còn mở rộng sản xuất các vật liệu làm mái và vật liệu chống thấm: mattit nhựa đường và mattit nhựa đường polyme; sơn lót, băng tương nở cản nước.

Nechinhenyi V.A.

*Nguồn: Tạp chí Quý đạo Xây dựng Nga
tháng 1/2013*

ND: Lê Minh

Tổng Công ty Viglacera kỷ niệm 40 năm thành lập và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất

Ngày 18/7/2014, TCTy Viglacera - CTCP đã long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 40 năm thành lập. Tới dự buổi Lễ về phía Bộ Xây dựng có Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng; các Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam và Phan Thị Mỹ Linh; các đồng chí nguyên Lãnh đạo Bộ; lãnh đạo và nguyên lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ. Tham dự buổi Lễ còn có Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Nguyễn Văn Bình; lãnh đạo các Bộ ngành TW, đại diện các tổ chức quốc tế, các đơn vị đối tác tại nhiều địa phương, và đông đảo CBCNV TCTy.

Nhìn lại chặng đường 40 năm đầy cam go, thử thách song rất đáng tự hào, Chủ tịch HĐQT TCTy - ông Luyện Công Minh xúc động cho biết: 40 năm về trước - ngày 25/7/1974 - Bộ trưởng Bộ Xây dựng Đỗ Mười đã ký Quyết định số 366/BXD thành lập Công ty gạch ngói & sành sứ xây dựng, tiền thân của Viglacera ngày nay. Từ 18 xí nghiệp chuyên ngành sản xuất gạch ngói đất sét nung chủ yếu bằng phương pháp thủ công, công ty đã trải qua nhiều lần thay đổi tên gọi và mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp quy mô phát triển và nhiệm vụ từng thời kỳ. Tới nay, TCTy đã phát triển lớn mạnh với hơn 12 nghìn lao động và 40 đơn vị thành viên, là đơn vị đi đầu trong việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến sản xuất ra những sản phẩm chất lượng cao, mẫu mã đẹp, đáp ứng tối đa nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng Việt Nam; đồng thời xuất khẩu sang nhiều nước khác. Đó là các sản phẩm kính xây dựng, sứ vệ sinh và gạch ốp lát ceramic, granite, cotto... Qua 40 năm phấn đấu bền bỉ, với nỗ lực của Ban Lãnh đạo và tập thể CBCNV qua các thời kỳ, TCTy Viglacera - CTCP đã khẳng định vai trò không những là nhà sản xuất, kinh doanh VLXD hàng đầu Việt Nam, mà còn là nhà đầu tư uy tín, đáng tin cậy trong lĩnh vực bất động sản. TCTy đã tham gia



Chủ tịch HĐQT TCTy Luyện Công Minh khai mạc buổi Lễ

đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng nhiều KCN: Samsung, Canon, Vinamilk, Vinasoy..., là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực phát triển nhà ở xã hội với các dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp giai đoạn I và II tại khu đô thị Đặng Xá, khu nhà cho người thu nhập thấp tại Đại Mỗ, Tây Mỗ. Nhà ở xã hội của Viglacera tuy dành cho người thu nhập thấp song “chất lượng không thấp”, bởi các căn hộ được thiết kế hợp lý, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, sử dụng vật liệu xây dựng đồng bộ chất lượng cao do chính các doanh nghiệp đơn vị sản xuất. Đặc biệt, khu nhà thu nhập thấp Đặng Xá đáp ứng 05 yêu cầu nghiêm ngặt của Hội Kiến trúc sư Việt Nam, và đã được nhận giải thưởng “Kiến trúc xanh Việt Nam”.

Ghi nhận những thành tựu, những đóng góp to lớn của TCTy Viglacera - CTCP đối với ngành Xây dựng nói chung và sản xuất VLXD nói riêng, tại buổi Lễ hôm nay, thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã trao tặng Huân chương Độc lập Hạng nhất lần 2 cho TCTy.

Thay mặt Ban Cán sự Đảng và Lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng nhiệt liệt biểu dương và chúc mừng những thành tích mà các thế hệ Lãnh đạo, CBCNV TCTy đạt được



Nghi lễ đón nhận Huân chương Độc lập Hạng nhất

trong gần nửa thế kỷ qua. Bộ trưởng căn dặn: để khẳng định thương hiệu và vị trí hàng đầu, thời gian tới đây, Viglacera cần phát huy hơn nữa vị thế là đơn vị đi đầu trong ứng dụng các công nghệ tiên tiến (công nghệ sấy nung tuyen liên hợp trong sản xuất gạch ngói, công nghệ phủ nano sứ vệ sinh...) để làm ra những sản phẩm chất lượng cao hơn, có tính cạnh tranh, khẳng định vững chắc uy tín và thương hiệu trên thị trường của hơn 40 quốc gia có mặt các sản phẩm. Bộ trưởng đánh giá cao những đóng góp của Viglacera đối với vấn đề an sinh xã hội, giải



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu chúc mừng TCty

quyết nhà ở cho một bộ phận dân cư không nhỏ - những người có thu nhập thấp; qua đó thể hiện rõ trách nhiệm với cộng đồng, và nỗ lực góp phần thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia đến năm 2020 của TCty. Về đối nội, Bộ trưởng nhắc nhở Ban Lãnh đạo TCT tiếp tục quan tâm nâng cao đời sống vật chất - tinh thần của CBCNV, đoàn kết cùng đưa con tàu Viglacera vượt mọi khó khăn thử thách, vươn tới những thành công mới.

Lệ Minh

Ban Thường vụ Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương làm việc với Ban cán sự Đảng và Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Xây dựng

Ngày 24/7/2014, tại Hà Nội, Ban Thường vụ Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương đã có buổi làm việc với Ban cán sự Đảng và Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Xây dựng. Đồng chí Trịnh Đình Dũng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Ban cán sự Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và đồng chí Đào Ngọc Dung - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương chủ trì buổi làm việc.

Tham dự buổi làm việc có các đồng chí Thứ trưởng: Cao Lại Quang (Thứ trưởng Thường trực - Bí thư Đảng ủy), Bùi Phạm Khánh,

Nguyễn Đình Toàn, Phan Thị Mỹ Linh và các đồng chí trong Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên cơ quan Bộ Xây dựng.

Thay mặt Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Cán sự đảng Bộ Xây dựng, đồng chí Nguyễn Hồng Khải - Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Bộ Xây dựng đã trình bày Báo cáo kết quả công tác 6 tháng đầu năm và những nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2014 của Đảng ủy Bộ Xây dựng. Báo cáo nêu rõ một số nội dung về: Kết quả thực hiện công tác lãnh đạo và phối hợp

lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị; công tác xây dựng Đảng; kết quả thực hiện và việc khắc phục hạn chế, khuyết điểm sau kiểm điểm theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI của Đảng; việc thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó, đồng chí Nguyễn Hồng Khải cũng báo cáo về việc triển khai Chương trình hành động số 16-CTr/ĐUK ngày 18/8/2013; Kế hoạch số 74-KH/ĐUK ngày 22/01/2014 của Đảng ủy Khối về “Tăng cường và đổi mới công tác dân vận”; quán triệt, triển khai các thông báo kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối; xây dựng và thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Đảng ủy với Ban Cán sự đảng, lãnh đạo Bộ Xây dựng; việc bố trí cán bộ chuyên trách công tác đảng, công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý, quy hoạch cấp ủy nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Phát biểu tại buổi làm việc, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phối hợp giữa Ban Thường vụ Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương và Ban cán sự Đảng Bộ Xây dựng trong việc chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị gắn với công tác xây dựng Đảng. Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng làm rõ thêm một số nội dung phối hợp giữa Ban Cán sự Đảng và Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Xây dựng trong các mặt tổ chức nhân sự, lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng trong thời gian vừa qua.

Tại buổi làm việc, các đồng chí trong Ban Thường vụ, trưởng các Ban đảng của Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương đã phát biểu ý kiến bày tỏ sự nhất trí cao với Báo cáo của Bộ Xây dựng, ghi nhận những kết quả khá nổi bật của Đảng bộ Bộ Xây dựng trong công tác xây dựng Đảng: tổ chức các lớp học tập các Nghị quyết của Trung ương, xây dựng các kế hoạch triển khai thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch của Đảng ủy Khối, tham gia tích cực và hiệu quả trong công tác tổ chức cán bộ, đổi mới sinh hoạt



Bí thư Ban Cán sự Đảng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi làm việc

chi bộ, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, thực hiện tốt chế độ thông tin - báo cáo.

Kết luận buổi làm việc, đồng chí Đào Ngọc Dung bày tỏ sự thống nhất với báo cáo của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Xây dựng và ý kiến phát biểu của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng - Bí thư Ban cán sự, đồng thời đánh giá cao những chuyển động tích cực của ngành Xây dựng trong thời gian gần đây, với nhiều tư tưởng đổi mới, đột phá trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế chính sách.

Qua đó, đồng chí Đào Ngọc Dung đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Cán sự đảng Bộ Xây dựng cần chú trọng một số nhiệm vụ: quan tâm đến công tác giáo dục tư tưởng, chống lại các biểu hiện suy thoái, tự diễn biến trong cán bộ, đảng viên, giải quyết các vấn đề phát sinh ngay từ chi bộ, đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng Đảng và nâng cao chất lượng lãnh đạo của chi bộ; Trong sinh hoạt chi bộ cần duy trì nề nếp, kỷ cương và đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ, tăng cường quản lý cán bộ, đảng viên; tăng cường phối hợp trong công tác lãnh đạo giữa Ban Cán sự đảng và Đảng ủy trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, quản lý cán bộ, đảng viên, lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị; tiếp tục thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch 6 tháng cuối năm, tăng cường sự phối hợp trong chỉ đạo, lãnh đạo các đoàn thể.

Thay mặt Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Cán sự đảng Bộ Xây dựng, đồng chí Cao Lại Quang tiếp thu ý kiến của đồng chí Bí thư Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, đồng thời mong muốn trong thời gian tới, Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Cán sự đảng Bộ Xây dựng tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao và sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa của Đảng ủy Khối các cơ

quan Trung ương và các đồng chí trong Ban đảng Trung ương để Đảng bộ Bộ Xây dựng hoạt động ngày càng thiết thực và hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó.

Minh Tuấn

Hội thảo giới thiệu Bộ công cụ hỗ trợ ra quyết định tích hợp thông tin biến đổi khí hậu tại Việt Nam (CIMPACT-DST)

Ngày 24/7/2014, tại Hà Nội, công ty tư vấn Cascadia đại diện cho Tổ chức Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) phối hợp với Viện Quy hoạch Môi trường, Hạ tầng kỹ thuật đô thị & nông thôn (IRURE) thuộc Viện Quy hoạch đô thị & nông thôn Quốc gia (VIUP) tổ chức Hội thảo giới thiệu Bộ công cụ hỗ trợ ra quyết định tích hợp thông tin biến đổi khí hậu (BĐKH) tại Việt Nam (CIMPACT-DST). Hội thảo có sự tham gia của bà Chato Calderon - đại diện USAID, bà Andrea Martin - đại diện Cascadia; lãnh đạo VIUP và IRURE, cùng đồng đạo đại diện các Sở ngành từ nhiều địa phương, các Hội nghề, các trường đại học và Viện nghiên cứu, các tổ chức trong và ngoài nước quan tâm tới lĩnh vực quy hoạch đô thị và BĐKH tham gia.

CIMPACT-DST là công cụ khí hậu hỗ trợ quyết định trong công tác quy hoạch, có thể đáp ứng nhu cầu về nguồn tư liệu và quy trình rõ ràng cho việc lồng ghép thông tin BĐKH vào quy hoạch đô thị ở Việt Nam - một trong những quốc gia chịu nhiều rủi ro và ảnh hưởng từ BĐKH. Với sự tài trợ chính của USAID và sự giúp đỡ to lớn của các chuyên gia Cascadia, sau 02 năm thực hiện, Dự án đã đạt được những thành công đầu tiên, và được áp dụng thí điểm tại Huế năm 2013, nhận được nhiều phản hồi rất tích cực.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, ông Ngô Trung Hải



Viện Trưởng VIUP - ông Ngô Trung Hải - phát biểu khai mạc Hội thảo

Hải - Viện trưởng VIUP cho biết: để thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó BĐKH, Bộ Xây dựng đã giao VIUP - với tư cách là Viện đầu ngành quốc gia trong lĩnh vực quy hoạch đô thị - nghiên cứu nhiều dự án về tác động của BĐKH với hệ thống hạ tầng đô thị Việt Nam, mô hình đô thị nước, tham gia rà soát các tiêu chuẩn - quy chuẩn về hạ tầng kỹ thuật lồng ghép tác động BĐKH... Trong năm 2013, VIUP với sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế đã ban hành hai bộ tài liệu “Hướng dẫn lồng ghép ứng phó tác động BĐKH trong quy hoạch đô thị Việt Nam” và “Hướng dẫn lồng ghép ứng phó tác động BĐKH trong công tác quy hoạch & xây dựng đô thị thông qua đánh giá môi trường chiến lược”; cả hai tài liệu trên đều được đánh



Bà Andrea Martin - quản lý dự án CIMPACT-DST Việt Nam thuyết trình tại Hội thảo

giá rất cao và tích hợp vào CIMPACT-DST. Sau thí điểm tại Huế, các khóa tập huấn và giới thiệu Bộ công cụ đã tiếp tục được triển khai tại Cần Thơ và Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông Ngô Trung Hải mong muốn Hội thảo này là dịp để các địa phương, các tổ chức liên quan cùng chia sẻ những ý kiến, những phản hồi nhằm hoàn thiện hơn Bộ công cụ, vì một mục tiêu lâu dài - xây dựng Việt Nam phát triển bền vững, tăng sức chống chịu với BĐKH cho các thế hệ tương lai. Thay mặt Lãnh đạo Bộ Xây dựng, ông cũng gửi lời cảm ơn chân thành đến USAID và Cascadia, đến các địa phương đã tích cực ủng hộ Dự án, đồng thời cho biết: Sau khi hoàn thiện, CIMPACT-DST sẽ được chuyển giao cho VIUP với vai trò là cơ quan đầu mối quốc gia hỗ trợ các địa phương trong công tác lồng ghép ứng phó tác động BĐKH vào quy hoạch đô thị, và có thể được nâng lên cấp quốc gia.

Đại diện Cascadia, bà Andrea Martin - quản lý Dự án CIMPACT-DST Việt Nam đã giới thiệu tổng quan về Bộ công cụ, chỉ dẫn sử dụng công cụ theo từng bước cụ thể, gồm các chi tiết về thiết kế, sắp xếp, mục tiêu, chức năng và cách sử dụng công cụ. Theo bà A.Martin, CIMPACT-DST là một công cụ dựa trên phần mềm Excel, có công dụng hỗ trợ chính quyền các địa phương và các đơn vị quy hoạch lồng ghép các tác động BĐKH vào hoạt động quy hoạch trong phạm vi hành chính. Sử dụng CIMPACT-DST,

các ban ngành địa phương có thể xem xét cân nhắc các chính sách, các quy hoạch, dự án qua một “ống kính khí hậu”. Việc ứng dụng “ống kính khí hậu” này một cách nhất quán giữa các ban ngành địa phương sẽ tăng cường sức chống chịu với BĐKH cho các cơ sở hạ tầng, dự án tại địa phương. Công cụ tổng hợp nhiều nguồn thông tin khác nhau liên quan đến địa phương (bao gồm báo cáo, chính sách, bản đồ), và lọc các thông tin này dựa trên một số thông tin của đồ án mà người sử dụng nhập vào. Nhờ đó, người sử dụng sẽ thấy được những thông tin liên quan hữu ích cho đồ án họ đang xây dựng và cần xem xét ảnh hưởng của BĐKH. Ví dụ: người sử dụng nhập các thông tin đơn giản về loại quy hoạch, khung thời gian quy hoạch và vị trí của một công trình đô thị hoặc cơ sở hạ tầng. Sau đó, công cụ sẽ cung cấp tóm tắt các ảnh hưởng khí hậu và hướng dẫn, khuyến nghị liên quan tới chuyên ngành của quy hoạch (giao thông vận tải, cấp nước...), vị trí địa lý và mức độ rủi ro. CIMPACT-DST nhanh chóng, tiện lợi, đơn giản và mang tính thực tế cao. Bà A.Martin cũng lưu ý đây là công cụ tổng hợp chứ không phải công cụ phân tích thông tin; công cụ không đưa ra các phân tích chi phí - lợi ích, tính khả thi hoặc so sánh các lựa chọn.

Tại Hội thảo, đại diện Viện Quy hoạch Xây dựng Thừa Thiên - Huế đã mô tả ngắn gọn về quá trình Viện ứng dụng công cụ để xây dựng quy hoạch chung tăng sức chống chịu với BĐKH ở các xã Vinh Thanh, Vinh Hiền và Vạn Lộc (huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên - Huế). Các địa phương thí điểm khác như Cần Thơ và Bà Rịa - Vũng Tàu cũng có bài phát biểu đúc kết kinh nghiệm sử dụng Bộ công cụ, đánh giá sơ bộ tính năng, hiệu quả cũng như một số vấn đề còn tồn tại trong quá trình ứng dụng công cụ (như tính bảo mật thông tin và bản quyền nghiên cứu). Tuy có nhiều ý kiến, cách đánh giá khác nhau, song quan điểm chung của các đại biểu dự Hội thảo là việc xây dựng Bộ công cụ

vô cùng cần thiết và kịp thời, nhằm phát huy hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lồng ghép dự báo BDKH vào quy hoạch xây dựng, phù hợp chủ trương chung của Bộ Xây dựng, và cũng là bước hiện thực hóa Đề án “Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với

BDKH giai đoạn 2013 - 2020” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2623/QĐ-TTg ngày 31/12/2013.

Lệ Minh

Phòng chống ngập lụt trong đô thị của các nước trên thế giới

London, Anh: Xây dựng đường hầm thoát nước dưới sông

Hệ thống thoát nước tại thủ đô London của nước Anh được xây dựng vào thời Victoria giữa thế kỷ 19, cách ngày nay hơn 150 năm lịch sử. Vào năm 1865, London tổng cộng đã xây dựng hơn 20.000 km công trình thoát nước, hình thành hệ thống cơ sở hạ tầng thoát nước cho thành phố London. Năm 2007, Chính quyền thành phố London đã đầu tư 1.700 triệu bảng Anh để thực thi phương án “Đường hầm Thames”, tức là bên dưới dòng sông Thames sẽ xây dựng một “đường hầm sâu thoát nước” với độ dài 35 km, chỗ sâu nhất đạt tới 75 m. Đường hầm sẽ liên kết 34 đường thoát nước của những khu vực được coi là “ô nhiễm nghiêm trọng nhất”, ngăn chặn có hiệu quả nguồn nước ô nhiễm chưa qua xử lý chảy vào dòng sông Thames mỗi khi trời mưa. Năm 2011, Công ty Thủy lợi sông Thames London lại đầu tư 3.600 triệu bảng Anh để xây dựng một rãnh thoát nước thải siêu cấp với chiều dài gần 40km, có khả năng thu nạp nước thải đồng thời có thể giải quyết vấn đề ô nhiễm dòng sông Thames trong 100 năm qua.

Paris, Pháp: Hệ thống thoát nước đa dạng và phức tạp

Những trận mưa bão đột ngột luôn là những thử thách to lớn đối với hệ thống thoát nước đô thị. Trải qua hơn 100 năm phát triển, hệ thống thoát nước ngầm tại thủ đô Paris nước Pháp có tổng chiều dài lên tới gần 2.400 km, trở thành một trong những thành phố có hệ thống thoát

nước phức tạp nhất trên thế giới. Về tổng thể, hệ thống thoát nước của Paris được phân thành 5 cấp hệ thống đường ống thoát nước. Từ đường thoát nước ngầm tới các kênh chính đều có nhân viên bảo trì vào kiểm tra, bảo trì và thoát thải. Nhân viên bảo trì sẽ tiến hành bảo trì mỗi năm ít nhất 2 lần. Những năm gần đây, thành phố Paris còn xây dựng 3 đường hầm dẫn nước và 8 hồ chứa nước, khả năng chứa nước đạt tới hơn 800 nghìn m³, từ đó hóa giải áp lực về thoát nước mỗi khi có mưa bão của thành phố.

Berlin, Đức: Thi hành chế độ “phí nước mưa”

Từ năm 1873, Berlin đã bắt đầu xây dựng đường thoát nước đầu tiên. Cho đến nay, Thủ đô Berlin, Đức đã xây dựng nên một hệ thống đường thoát nước với tổng chiều dài 9.300 km, trong đó 75% hệ thống thoát nước đều thoát nước độc lập và có hệ thống xử lý riêng biệt nước mưa và nước thải. Từ khá sớm, Berlin đã thực thi chế độ “phí nước mưa”. Cho dù là nhà ở tư nhân hay công xưởng của các doanh nghiệp, nước mưa trực tiếp chảy xuống hệ thống thoát nước thì đều phải căn cứ theo diện tích không thấm nước của công trình để nộp lệ phí nước mưa với 1,84 euro/m². Các hộ gia đình sử dụng biện pháp xử lý nước mưa thì được ưu đãi miễn giảm lệ phí. Tại quảng trường Potsdam ở trung tâm thành phố Berlin, nước mưa trên mái của 19 tòa nhà văn phòng cao tầng đều được thu gom lại và được tích trữ tại 5 bể nước ngầm, lượng nước tích trữ mỗi năm có

thể đạt tới 230 nghìn m³.

Rotterdam, Hà Lan: Quảng trường nước mang lại nhiều lợi ích

Rotterdam - thành phố lớn thứ hai của Hà Lan, cũng là thành phố cảng biển lớn nhất Châu Âu có độ cao thấp hơn mực nước biển. Với địa thế như vậy nhưng Rotterdam lại hiếm khi xảy ra cảnh tượng ngập lụt và chính điều kiện này lại có lợi cho thành phố hoàn thiện hệ thống thoát nước. Để tiến hành phân dòng và thu gom nước mưa từ đầu nguồn, thành phố Rotterdam đã thiết kế nên những viên gạch có khả năng thấm nước cao đồng thời căn cứ theo độ dốc nhất định để giúp nước mưa có thể thấm vào vùng đất xanh xung quanh. Nhiều năm qua, thành phố đã thực thi “kế hoạch xanh hóa mái nhà” giúp mái nhà phát huy tác dụng “hút nước” của mình, giảm tốc độ của nước mưa chảy xuống mặt đất. Thành phố đang có kế hoạch xây dựng “quảng trường nước”. Quảng trường nước được xây thuận theo thế đất, do bề nước và các mương nước cấu thành, tạo nên một mạng lưới tuần hoàn to lớn. Quảng trường nước vào hầu hết thời gian đều khô ráo cung cấp địa điểm vui chơi, giải trí cho người dân. Khi trời mưa nhỏ, nước tại các mương sẽ chảy vào bề nước hình thành nên cảnh quan nước thiên nhiên tươi đẹp. Khi trời mưa bão, quảng trường sẽ lập tức biến thành hệ thống phòng chống ngập lụt hiệu quả cao.

Tokyo, Nhật Bản: Xây dựng hệ thống

thoát nước tiên tiến nhất trên thế giới

Nhật Bản là đất nước rất hay xảy ra bão. Vào mùa bão, các khu vực xung quanh Thủ đô đều thường xuyên có mưa bão, tuy nhiên Tokyo lại rất ít khi xuất hiện ngập lụt. Trước hết, Tokyo thiết lập hệ thống thông tin lượng mưa tiên tiến để dự báo và thống kê các loại số liệu về lượng mưa rồi tiến hành kế hoạch thoát nước cho các nơi. Tiếp đó, các con đường ráo nước sau mưa bão thuận tiện cho nhân công xây dựng các “sông”. Các “sông” có dạng như các hào sâu được phân bố dày đặc tại Tokyo với tác dụng thoát nước ngập lụt cực kỳ hiệu quả. Hầu hết các đường thoát nước nhỏ đều chảy thông tới “sông” rồi tiếp tục thông qua các đường thoát nước ngầm sâu và rộng hơn “sông” để đổ ra vịnh Tokyo và ra biển. Ngoài ra, Tokyo đã đầu tư 240 tỷ Yên (khoảng 20 tỷ NDT) trong khoảng 14 năm (từ năm 1992 đến năm 2006) để xây dựng nên hệ thống thoát nước vào loại tiên tiến nhất trên thế giới - hệ thống thoát nước bao quanh thủ đô. Toàn bộ hệ thống thoát nước có tổng chiều dài 6,3 km, gồm 5 giếng thẳng có đường kính 30 m, sâu 60 m sử dụng các đường ống liên thông và 1 máng dẫn nước điều áp, tổng lượng nước tích trữ của hệ thống đạt tới 670 nghìn m³.

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 6/2014

ND: Kim Nhạn

Các cách tiết kiệm điện nước của một số nước trên thế giới

Tại một nước Đức không thiếu nước và một nước Úc với lục địa khô hạn, ý thức tiết kiệm nước của cư dân liệu có sự khác biệt? Học sinh du học tại Nhật Bản dùng miếng dán hạ sốt để thay thế điều hòa và người dân nghèo Philipin ăn tối trong ánh sáng của nến, cách tiết kiệm điện nào khiến người sử dụng khóc dở mếu dở?

Bài viết dưới đây sẽ giới thiệu tình hình sử dụng điện và nước tại 5 quốc gia nhằm rút ra một số kinh nghiệm và bài học về tiết kiệm điện nước.

Nước Đức: Tiết kiệm nước không phụ thuộc vào giá cả gia tăng

Nước Đức có lượng mưa dồi dào trong cả năm, nguồn nước ngầm phong phú đảm bảo

đầy đủ cho lượng nước sử dụng thường ngày. Chính phủ Đức không hề dựa vào việc giá cả gia tăng để hạn chế việc sử dụng nước. Tuy nhiên, những năm gần đây, lượng nước sử dụng bình quân đầu người mỗi ngày tại Đức không những không tăng mà lại giảm xuống. Theo thống kê, số liệu này giảm từ 147 lít vào năm 1990 xuống còn 122 lít vào năm 2012.

Chính phủ Đức chủ yếu dựa vào việc phổ cập các kỹ thuật tiết kiệm nước và các sản phẩm tiết kiệm nước. Ví dụ, bồn xả nước nhà vệ sinh luôn được lắp đặt 2 nút ấn xả với mức lớn nhỏ, dùng riêng biệt cho xả nước đại và tiểu tiện; việc tắm khuyến khích dùng vòi hoa sen thay cho dùng bồn tắm, vòi hoa sen còn được lắp thêm công tắc tạm dùng; máy giặt được kiến nghị sử dụng loại tiết kiệm nước... Việc sử dụng nước hợp lý và bảo vệ môi trường đã trở thành ý thức chung và những hành động tự giác của người dân nước Đức.

Nước Úc: Chính phủ cho phép bán thùng thu gom nước mưa

Tại Úc, Chính phủ đóng vai trò như thế nào trong việc hỗ trợ người dân tiết kiệm điện nước? Một người dân tại thành phố Melbourne cho biết, Chính phủ Úc rất chú trọng cho việc tiết kiệm năng lượng. Chính phủ đầu tư cho hầu hết các hộ gia đình lắp đặt tầng cách nhiệt trên mái nhà nhằm giảm thiểu thời gian bật điều hòa. Ngoài ra, Chính phủ còn hỗ trợ cho các gia đình lắp đặt tấm pin năng lượng mặt trời đồng thời miễn phí cho các hộ gia đình thay các bóng đèn tiết kiệm năng lượng.

Một người Trung Quốc định cư nhiều năm tại Úc cho biết, anh đã từng làm việc 4 năm tại một huyện của thành phố New South Wales (dân số khoảng 10 nghìn người) và thấy rằng hầu hết cư dân tại thị trấn nhỏ đều lắp đặt các thùng thu gom nước mưa. Nước mưa sau thu gom được dùng để tưới cho cây trồng. Chính phủ hỗ trợ cho việc lắp đặt các thùng chứa nước mưa. Việc tưới cây cũng được người dân Úc tiến hành theo thời gian quy định, thông thường vào trước 10h

sáng hoặc sau 4h chiều nhằm giảm thiểu sự bốc hơi nước ở thời điểm nhiệt độ cao.

Nhật Bản: Giá điện cao giúp con người chịu nhiệt tốt

Nhật Bản là nước có nguồn tài nguyên hạn hẹp do đó chi phí sử dụng điện có mức khá cao so với rất nhiều các quốc gia khác. Đặc biệt, sau trận động đất lớn xảy ra vào năm 2011, trạm điện hạt nhân tạm ngừng hoạt động, Nhật Bản chủ yếu phải dựa vào nhiệt điện, thêm vào đó đồng Yên Nhật sụt giá kéo theo chi phí sử dụng điện tăng cao. Đối với những người sống tại Nhật Bản, đặc biệt là các du học sinh mà nói, phí điện mang đến một áp lực chi tiêu không hề nhỏ. Trước tình hình này, Nhật Bản đã thi hành thang giá điện, đơn giá trong phạm vi 120 nghìn Watt là 19,43 Yên, đơn giá trong phạm vi từ 120 nghìn Watt tới 300 nghìn Watt là 25,91 Yên, đơn giá từ 300 nghìn Watt trở lên sẽ là 29,93 Yên.

Nhiều du học sinh đã có những ý tưởng tiết kiệm điện như: rút bỏ hầu hết các nguồn điện không sử dụng, không bật đèn, không bật tivi, sử dụng quạt điện, mua thiết bị phun sương làm mát, thậm chí còn dùng các sản phẩm giống như miếng cao dán hạ sốt để chống lại cái nóng vào mùa hè tại Nhật Bản.

Philippin: Người nghèo không lắp đặt nổi đèn điện

Một người dân thuộc tầng lớp trung lưu sống tại thủ đô Manila, Philippin cho biết, gia đình họ không lắp đặt điều hòa cũng không sử dụng máy giặt nhưng mỗi tháng chi phí sử dụng điện cũng phải hơn 2.800 Peso (khoảng hơn 400 NDT), chiếm 1 nửa nguồn chi tiêu mỗi tháng của gia đình. Người dân này cho biết thêm, vào ban ngày họ cố gắng chỉ sử dụng ánh sáng tự nhiên, buổi tối khi rời khỏi nhà phải tắt điện luôn, trước khi ngủ sẽ rút hết các phích cắm của các thiết bị điện như tivi, máy tính... Philippin là nước có mức phí điện cao nhất Châu Á bởi vì đảo quốc này có nguồn tài nguyên hạn hẹp, điện lực được tư hữu hóa và chi phí điện được

thực thi theo thang giá cả. Chính phủ không đưa ra bất kỳ sự hỗ trợ nào cho việc sử dụng điện, hệ thống phát điện và phân phối điện trong toàn quốc do 3 đến 4 cơ cấu tư nhân độc quyền kinh doanh.

Đối với những gia đình nghèo sống trong các khu ổ chuột, chi phí điện thậm chí còn vượt quá chi phí sinh hoạt của họ. Rất nhiều hộ gia đình phải dùng nến để chiếu sáng vào buổi tối.

Vương quốc Anh: Dùng nước sạch để xả nhà vệ sinh

Thị trường sử dụng nước tại Anh sớm đã được tư hữu hóa. Nhà nước đã thiết lập mức trần cho giá nước, nhưng giá nước thực tế lại do thị trường chi phối. Những năm gần đây, giá nước tại Anh tăng dần theo từng năm.

Song song với giá nước tăng lên, một số chi phí và các phương thức cung cấp nước lại không thuận tiện cho việc tiết kiệm. Ví dụ, công ty thủy lợi chỉ thu phí theo giá ước lượng đối với các hộ không lắp đặt đồng hồ mà không xem xét tới lượng nước sử dụng thực tế của họ. Còn

theo số liệu cung cấp từ Hiệp hội Ngành cấp nước Anh quốc cho thấy, hiện tại chỉ có khoảng 40% cư dân Anh lắp đặt đồng hồ.

Một cư dân tại thành phố London cho biết, chung cư của họ không lắp đặt đồng hồ nước, mỗi hộ trong chung cư đều đóng tiền nước với mức giống nhau, chi phí cho nước nóng và lạnh là như nhau, nước sử dụng trong nhà bếp và nước xả nhà vệ sinh là như nhau.

Tuy nhiên, tiền nước tại Anh không chỉ bao gồm tiền nước sử dụng mà còn bao gồm các loại phí khác như phí xả thải, phí thoát nước, phí bảo vệ môi trường... Những chi phí này phải dùng cho việc xử lý nước thải và bảo vệ môi trường. Điều này không chỉ nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân mà còn bảo đảm nguồn tiền cho việc xử lý nước thải.

Cư Tân Hoa

Nguồn: chinajsb.cn

(Báo Xây dựng Trung Quốc, 14/7/2014)

ND: Kim Nhạn

Kinh nghiệm hội nhập đô thị và nông thôn của một số nước phát triển

Từ tiến trình đô thị hóa của các nước trên thế giới có thể thấy, mối quan hệ giữa đô thị và nông thôn của các quốc gia phát triển ở Âu Mỹ luôn đồng nhất với nhau và hiện đang bước vào giai đoạn phát triển.

I. Kinh nghiệm hội nhập đô thị và nông thôn của CHLB Đức

Hiện nay, mức độ đô thị hóa của CHLB Đức và các nước công nghiệp Tây Âu đều đạt trên 90%, đã hình thành một hệ thống đô thị và nông thôn đồng nhất, có sự phân bổ hợp lý, có mô hình phát triển cân bằng. Trong quá trình phát triển đô thị và nông thôn còn có những kinh nghiệm chủ yếu sau:

Tập trung vào việc xây dựng cơ chế phát triển cân bằng. Trong chính sách quy hoạch, xây dựng đô thị và nông thôn của Đức luôn

quán triệt thực hiện 2 nguyên tắc quan trọng: *Một là*, phải hình thành môi trường sống bình đẳng trên cả nước, giảm sự khác biệt giữa các khu vực; *Hai là*, theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững, để thế hệ sau có cơ hội tồn tại và phát triển. Trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của Đức được phân bổ tại khắp các đô thị, đã hình thành cục diện phân bổ cân bằng trên cả nước. Pháp luật của Đức trong những năm 50 - 60 của thế kỷ XX, đã xem biệc bảo vệ môi trường sinh thái của thôn trang và cải tạo xây dựng những công trình xuống cấp là nhiệm vụ chính, giúp khu vực nông thôn có thể phát triển bền vững.

Triển khai xây dựng đồng bộ đô thị và nông thôn. Vào những năm 1950, những ý tưởng đề xuất của tổ chức Hanns Seidel Foundation

(HSF)- Đức (là tổ chức phi chính phủ có uy tín tại CHLB Đức, thành lập năm 1967 theo sáng kiến của Đảng Xã hội Thiên chúa giáo - CSU (Đảng hiện thuộc liên minh cầm quyền CSU-CDU của Thủ tướng Angela Merkel). Hoạt động của HSF được tài trợ bởi Chính phủ CHLB Đức, Bang Bavaria và các nguồn đóng góp tư nhân. Hiện HSF có 95 dự án tại 72 nước trên thế giới, (trong đó, có 6 nước Đông Nam Á là Indonesia, Lào, Myanmar Philippines, Thái Lan và Việt Nam) đã trở thành hiện thực: Thông qua các hình thức cải cách đất, thôn trang, thực hiện mục tiêu “cuộc sống của người dân nông thôn và đô thị tương đương nhau”, giúp nền kinh tế giữa khu vực nông thôn và đô thị có thể phát triển cân đối. Kế hoạch này được bắt đầu thực hiện tại Bang Bavaria từ năm 1950. Đến năm 1990, mục tiêu này đã trở thành phương hướng của chính sách nông thôn EU. Hiện nay, khu vực nông thôn ở Bang Bavaria vẫn chiếm hơn 80% tổng diện tích của Bang, gần 60% nhân khẩu được cung cấp nhà ở, công việc và không gian sống. Tư tưởng cốt lõi để xây dựng đô thị và nông thôn đồng bộ là: Giúp người nông dân có được chất lượng cuộc sống tốt nhất từ điều kiện công việc, cơ hội việc làm, mức thu nhập, môi trường sống, đãi ngộ trong xã hội... tương đương như cuộc sống ở đô thị. Tùy thuộc vào khả năng và điều kiện của địa phương mà tiến hành xây dựng. Ngoài ra, còn phải căn cứ vào môi trường tự nhiên và lịch sử văn hóa truyền thống, tôn trọng và bảo vệ phong tục tập quán, lịch sử của vùng nông thôn. Đặc biệt, không mù quáng sao chép lối sống của đô thị. Cần tập trung cả vào yếu tố của nền văn minh công nghiệp hiện đại để xây dựng, nhằm bảo tồn dấu ấn văn hóa truyền thống tốt đẹp, xây dựng nét đặc trưng của khu vực nông thôn mới.

Thống nhất và kiện toàn hệ thống an sinh xã hội. Hiến pháp của CHLB Đức đã quy định quyền lợi cơ bản của con người. Chẳng hạn như quyền bình đẳng trong bầu cử, công việc, di cư, giáo dục, an sinh xã hội... Trong xã hội không

có sự phân biệt người nông dân lao động, đô thị và nông thôn. Có thể nói, người dân nông thôn được hưởng mọi quyền lợi như người dân đô thị. Sự khác biệt duy nhất của người nông dân lao động chính là sự khác biệt về bản chất công việc. Chỉ cần người nông dân vào đô thị làm việc, đóng thuế an sinh xã hội, thì trở thành người dân đô thị. Năm 1950, LB Đức đã ban hành “chính sách hỗ trợ người nông dân bán đất để nghỉ hưu”, mục đích của chính sách là tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển nhượng đất đai, tập trung đất đai và nâng cao hiệu quả nông nghiệp, khuyến khích người nông dân thoát khỏi ngành nông nghiệp truyền thống. Đối với những người nông dân muốn bán đất để nghỉ hưu, nhà nước sẽ cấp lương hưu bổ sung.

Xây dựng hệ thống giao thông thuận tiện là một việc làm quan trọng để phát triển cân bằng các đô thị. Xe điện là phương tiện không thể thiếu để phát triển khu vực đô thị, đồng thời, các phương tiện giao thông công cộng thuận tiện sẽ giúp liên kết giữa các đô thị lại với nhau, tạo thành một mạng lưới, cùng với sự phổ biến của những loại xe hơi, sẽ giúp mở rộng bán kính đi lại cho người dân. Người dân có thể sống ở các thị trấn, nhưng hàng ngày vẫn đi làm ở trong đô thị, một môi trường sống tốt luôn là mục tiêu chính của người dân.

II. Kinh nghiệm hội nhập đô thị và nông thôn của Mỹ

Trong khoảng thời gian từ thế kỷ XIX đến thế kỷ XX, nước Mỹ đã thay đổi từ xã hội nông thôn thành xã hội đô thị, cho đến nay đã trở thành một quốc gia đô thị hóa. Trong quá trình duy trì đô thị hóa, nước Mỹ vẫn thể hiện rõ xu thế hội nhập đô thị và nông thôn.

Giao thông vận tải phát triển là điều kiện thuận lợi để thúc đẩy tiến trình hội nhập đô thị và nông thôn. Sau khi chiếc xe đầu tiên xuất hiện vào đầu thế kỷ XX, nước Mỹ đã phát động phong trào cải thiện đường giao thông. Đến năm 1910, thành lập “Hiệp hội cải tạo đường giao thông”, các Bang đã chi hàng triệu đô la để

cải tạo đường giao thông tại các thị trấn và các quận. Năm 1916, Chính phủ Mỹ đã ban hành “Luật hỗ trợ đường giao thông Liên Bang”, mục tiêu đề ra là xây mới 41.000 dặm đường giao thông trên cả nước. Sau một thời gian thực hiện xây dựng mạng lưới đường cao tốc, đã giúp nâng cao hiệu quả hệ thống giao thông vận tải trên toàn nước Mỹ, đẩy nhanh tiến trình hội nhập đô thị với các vùng nông thôn. Đến đầu năm 1990, thế kỷ XX, hầu như toàn bộ hệ thống cao tốc liên bang đã được xây dựng, đặc biệt là giúp các khu vực nông thôn xa xôi rất dễ dàng trong việc di chuyển bằng đường sắt vào đô thị, đồng thời cũng giúp cho việc nhân khẩu nông thôn tăng cường từ các thị trấn đi vào thành phố làm việc, cư trú hoặc buôn bán.

Ngành công nghiệp hóa của Mỹ bắt đầu từ ngành công nghiệp dệt may, trải qua nhiều thập kỷ phát triển, đến năm 1860, sản phẩm nông nghiệp trong ngành gia công đã chiếm một vị trí quan trọng trong tiến trình công nghiệp hóa ở Mỹ. Đặc điểm của ngành công nghiệp hóa ở Mỹ là thúc đẩy ngành nông nghiệp và những ngành công nghiệp cơ bản khác lần lượt phát triển nhanh chóng, từ đó thúc đẩy ngành công nghiệp phát triển. Sự phối hợp phát triển giữa nông nghiệp và công nghiệp sẽ thúc đẩy đô thị hóa phát triển nhanh chóng. Đồng thời, nước Mỹ đặc biệt chú trọng tới các việc phát triển ngành dịch vụ và nâng cấp các ngành công nghiệp.

Khoảng cách giữa đô thị và nông thôn của Mỹ vẫn không ngừng mở rộng, đây là một điều tất yếu trong tiến trình hiện đại hóa của các quốc gia. Chính phủ Mỹ luôn chú trọng tới các chính sách hỗ trợ cho nông nghiệp và nông thôn, đây là cách làm có thể rút ngắn khoảng cách đô thị và nông thôn. Thời kỳ đầu sau chiến tranh ở Mỹ, đã thực hiện các chính sách nông nghiệp và chính sách kế hoạch hóa gia đình nông thôn. Năm 1955, Bộ Nông nghiệp của Mỹ lần đầu tiên đề xuất “Kế hoạch phát triển nông thôn”, đến năm 1960 của thế kỷ XX đề xuất

“Cuộc chiến chống nghèo đói”. Cùng với sự suy giảm của ngành Nông nghiệp, trọng điểm của chính sách phát triển nông thôn chủ yếu tập trung vào việc khôi phục nông thôn, đến năm 1980, trọng điểm của chính sách lại tập trung vào điều chỉnh cơ cấu kinh tế nông thôn, đồng thời, bắt đầu đưa ra các quy định nhằm hỗ trợ nông nghiệp. Trải qua nhiều thập kỷ phát triển, nội dung luật phát triển nông thôn của Mỹ càng phổ biến, chức năng của Chính phủ ngày càng chiếm vị trí quan trọng, các chính sách hỗ trợ ngày càng được tăng cường, chính sách phát triển nông thôn và chính sách hỗ trợ nông nghiệp đang không ngừng hội nhập, tiếp tục thúc đẩy khu vực nông thôn của Mỹ tiến bộ, hội nhập đô thị và nông thôn.

III. Đặc điểm hội nhập đô thị và nông thôn của Nhật Bản

Sau chiến tranh, Nhật Bản bước vào thời kỳ tăng trưởng nhanh chóng của đô thị hóa, số lượng các đô thị và nhân khẩu đô thị ngày càng tăng. Năm 2005, mức độ đô thị hóa của Nhật Bản là 65.7%, nhân khẩu đô thị là 84 triệu người, khoảng cách giữa đô thị và nông thôn không ngừng được rút ngắn. Theo thống kê, năm 1977, nông dân Nhật Bản có mức thu nhập còn cao hơn cả mức thu nhập của người lao động, thu nhập bình quân của người nông dân là 922.000 yên Nhật, thu nhập của người lao động chỉ khoảng 817.000 yên Nhật.

Dịch vụ công cộng mà Chính phủ mang lại, đã thúc đẩy rất nhiều cho sự phát triển khu vực nông thôn. Chất lượng giáo dục cao đã trở thành tiền đề chung để nâng cao hiệu quả nông nghiệp, công nghiệp và ngành dịch vụ, góp phần vào việc đô thị hóa vùng nông thôn. Đồng thời, cũng đảm bảo hệ thống đô thị và nông thôn, nâng cao đời sống cho người dân nông thôn, đảm bảo sự phát triển hài hòa với xã hội. Để giúp cho ngành nông nghiệp phát triển, Chính phủ đã cung cấp các dịch vụ về công nghệ kỹ thuật, cơ sở hạ tầng nông nghiệp, phát triển những Hiệp hội nông nghiệp. Việc làm này

đã cải thiện môi trường để phát triển, nâng cao năng suất nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người nông dân. Điều cần nhấn mạnh hơn nữa là: Trong quá trình phát triển, Nhật Bản đã kịp thời đưa người nông dân vào mạng lưới an sinh xã hội của quốc gia. Trong cung cấp dịch vụ công cộng, không hề có tình trạng phân biệt đối xử giữa người dân nông thôn và đô thị.

Quy mô kinh doanh đất đai đã nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Vào năm 1961, Nhật Bản đã ban hành “Luật Nông nghiệp cơ bản”, mục đích của Luật này là để mở rộng quy mô nông nghiệp, nâng cao thu nhập và cuộc sống cho người lao động nông nghiệp, đạt được sự cân bằng cơ bản với người lao động của các ngành công nghiệp khác.

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế Nhật Bản, nhu cầu của người dân đối với sản phẩm nông nghiệp cũng có những thay đổi. Nhu cầu cây lương thực có sự suy giảm, nhưng nhu cầu về rau, trái cây và sản phẩm chăn nuôi lại tăng lên, để thay đổi cơ cấu sản xuất nông sản theo mô hình truyền thống, “Luật Nông nghiệp cơ bản” đã chỉ ra rằng cần tiến hành mở rộng đối với những sản phẩm nông sản đang có nhu cầu gia tăng, tiến hành chuyển đổi đối với những sản phẩm nông nghiệp mà người dân ít có nhu cầu và hình thành mô hình cạnh tranh những sản phẩm trong nước với những sản phẩm nông sản nước ngoài. Đồng thời, cùng với hệ thống pháp luật hiệu quả đã làm giảm bớt mâu thuẫn về cơ cấu giữa cung cầu của các sản phẩm nông sản, thúc đẩy ngành nông nghiệp của Nhật Bản phát triển.

IV. Kinh nghiệm hội nhập đô thị và nông thôn của các quốc gia Mỹ La Tinh

Vào cuối thế kỷ XIX, một số nước Mỹ La Tinh bắt đầu tiến trình hiện đại hóa, đến những năm 50 của thế kỷ XX, hầu hết các nước Mỹ La Tinh đã bước vào giai đoạn hiện đại hóa. Do tiến trình hiện đại hóa phát triển nhanh chóng, các nước Mỹ La Tinh cũng gạt hái được những thành tựu đáng kể. Năm 1950, nhân khẩu đô thị

chiếm 41,6% tổng số nhân khẩu; đến năm 1980 nhân khẩu đô thị đạt 65,5%, gần với mức độ đô thị hóa ở châu Âu.

Tuy nhiên, trước làn sóng đô thị hóa, phần lớn nông dân Mỹ La Tinh do bị chiếm dụng đất nông nghiệp, chịu sự áp bức cạnh tranh của giai cấp địa chủ mà phải bỏ vào thành phố, nhưng do thiếu kỹ năng làm việc, nên phần lớn những người nông dân bị mất đất phải sống ở ngoài rìa của khu vực đô thị và nông thôn, dần hình thành những khu ổ chuột quy mô lớn. Theo thống kê, hiện nay người nghèo đô thị ở Brazil vào khoảng 35 triệu người, chiếm khoảng 20% nhân khẩu trên cả nước. Lý do chính dẫn đến tình trạng này là bởi: để đảm bảo phát triển công nghiệp hóa và cuộc sống của người dân đô thị, Chính phủ của các nước Mỹ La Tinh yêu cầu ổn định xã hội, người dân phải có ý thức giảm giá các sản phẩm nông sản, chính điều này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự phát triển của ngành Nông nghiệp. Chính phủ của các nước chỉ chú trọng tới việc phát triển ngành Nông nghiệp xuất khẩu, do đó, chính sách tín dụng cũng chỉ nghiêng về những doanh nghiệp nông nghiệp có quy mô lớn, sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ ngày càng gặp nhiều khó khăn, khiến cho cảnh nghèo đói ngày càng gia tăng. Mặt khác, do thiếu công nghệ và thiếu khả năng chế biến các sản phẩm nông nghiệp, nên lợi ích giá trị gia tăng phải chuyển sang cho những quốc gia phát triển. Có thể nói, việc bỏ qua lợi ích cơ bản của người nông dân là một trong những nguyên nhân khiến cho các nước Mỹ La Tinh không thể xử lý tốt mối quan hệ quan trọng giữa đô thị và nông thôn.

Chương Thọ Vinh - Châu Xuân Phương

*(Tin tức Xây dựng Trung Quốc
ngày 18/6/2013)*

Nguồn: <http://newsccn.com>

ND: Bích Ngọc

“5 yếu tố chính” trong xây dựng đô thị hóa kiểu mới ở Trung Quốc

Đô thị hóa là một quá trình phát triển mang tính lịch sử của nhân loại, có quy luật phát triển riêng. Từ khi Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa cho đến nay, cùng với tốc độ phát triển của ngành công nghiệp, đô thị hóa ở Trung Quốc đã từng có xuất phát điểm thấp, tuy nhiên quá trình phát triển lại diễn ra nhanh chóng. Từ năm 1978 đến năm 2013, dân số đô thị từ 170 triệu người đã tăng lên thành 730 triệu người, tỷ lệ đô thị hóa từ 17,9% đã tăng lên thành 53,7%, bình quân mỗi năm tăng 1,02%. Quy hoạch đến năm 2020, tỷ lệ dân số đô thị sẽ đạt mức 60%, tỷ lệ hộ tịch đô thị là 45%.

Quá trình đô thị hóa diễn ra ở Trung Quốc cho thấy những điều tiết mạnh mẽ của Chính phủ trong việc kiểm soát tốc độ cũng như những phát sinh xảy ra trong quá trình đô thị hóa liên tục. Tuy nhiên, so với Nhật Bản và Hàn Quốc thì mức độ cũng như chất lượng vẫn còn thua kém nhiều phần. Trung Quốc cũng rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm từ các quốc gia Châu Mỹ La Tinh và vùng Caribe, do đô thị hóa quá mức và mất kiểm soát, nên dân số đô thị tăng lên nhanh chóng, trong khi cơ sở hạ tầng không đủ để đáp ứng, vì thế mức sống của người dân ở đô thị rất thấp. Trung Quốc cũng không giống như nước Mỹ, đô thị hóa rời rạc, phân tán, mật độ thấp, lãng phí tài nguyên. Đô thị hóa ở Trung Quốc nhìn một cách tổng thể thì đem lại hiệu quả khá tốt, chuyển dịch được lao động nông thôn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, hiệu quả sản xuất tăng, đáp ứng được nhu cầu trong nước, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu xã hội và cải thiện đời sống cho người dân. Đây là những thành tựu mà Trung Quốc trong tiến trình đô thị hóa đã đạt được.

Tuy nhiên, sau 30 năm tiến hành và xây dựng đô thị hóa, Trung Quốc cũng rút ra nhiều vấn đề còn thiếu sót, một số vấn đề mâu thuẫn nổi bật bắt đầu xuất hiện. Cho nên, trên con

đường đô thị hóa trong tương lai, vẫn cần phải phát triển và thay đổi cho phù hợp. Tháng 12 năm 2013, Hội nghị về đô thị hóa được tổ chức tại Bắc Kinh đã đưa ra nhiệm vụ chủ yếu nhằm thúc đẩy đô thị hóa phát triển bền vững trên 6 phương diện, tháng 3/2014 đã công bố “Kế hoạch quốc gia về đô thị hóa kiểu mới năm 2014 đến 2020”. Đây là kế hoạch có tầm vĩ mô, có tính chiến lược và toàn diện, đưa đô thị Trung Quốc phát triển theo một hình thức mới. Đô thị hóa Trung Quốc nâng lên một đẳng cấp mới, đồng thời cũng tác động đến quy hoạch của nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước. Thị trường bất động sản và các lĩnh vực liên quan đến kinh tế, xã hội cũng có nhiều chuyển biến khi áp dụng Kế hoạch phát triển mới này.

Đô thị hóa kiểu mới, không chỉ thực hiện thị dân hóa mà còn thực hiện hộ tịch hóa

Cuối năm 2013, dân số đại lục đã đạt tới 1,36 tỷ người. Trong bản “Báo cáo Tình hình phát triển gia đình Trung Quốc” của Cục Dân số Trung Quốc vào hồi tháng 5/2014 cho biết, số hộ gia đình trong khu vực đại lục Trung Quốc đạt 430 triệu hộ. Gia đình chính là nền tảng của con người, là tế bào của xã hội. Gia đình và dân số phân bố tại hai khu vực đặc trưng, một là ở thành thị, hai là ở nông thôn. Tại thành thị số dân là 730 triệu người, trong đó 490 triệu người có hộ khẩu thường trú, còn 240 triệu người là hộ khẩu tạm trú. Trong số những người có hộ khẩu thường trú thì có 380 triệu người là có việc làm, còn lại 110 triệu người là thuộc nhóm người không có khả năng lao động (người già, trẻ em, người khuyết tật...), tất cả tạo thành những hộ gia đình cùng chung sống tại thành thị. Ở nông thôn thì những thành phần trong gia đình gồm có những người là lao động chính nhưng sống chủ yếu trên thành phố (có hộ khẩu tạm trú ở thành phố - lao động nhập cư) và những lao động thuần nông, cùng với nhóm người không

có khả năng lao động, chính vì thế số lượng lao động nhập cư chiếm số đông vẫn được tính là thành viên trong gia đình ở nông thôn.

Những vấn đề được đặt ra là: *Thứ nhất*, thành phần những người sống trong hộ gia đình ở nông thôn chủ yếu là người già và trẻ nhỏ, chính điều này đã đưa đến một loạt những vấn đề về xã hội, như sự mất cân bằng, mất ổn định trong cuộc sống. *Thứ hai*, những người nông dân lên thành phố kiếm việc làm thường có tâm lý ở lại. Tuy nhiên do những vấn đề về chính sách và chế độ, nên họ thường không nhận được những ưu đãi và lợi ích giống như người thành phố, bởi vì họ không phải hoàn toàn là người có hộ khẩu ở thành phố. Chính vì vậy, họ không thể nhận được những đối đãi mang tính công bằng. Do đó, sẽ dễ nảy sinh những vấn đề cả trong đời sống và xã hội. *Thứ ba*, một lượng lớn lao động nhập cư thường xuyên di chuyển thay đổi chỗ ở và chỗ làm, cho nên vấn đề quản lý nhân khẩu là rất khó khăn, đồng thời kéo theo những vấn đề về giao thông và nhà ở. *Thứ tư*, thanh niên nông thôn phần lớn đều chọn con đường lập nghiệp ở thành phố, đến khi về già lại quay trở lại quê nhà, điều này đã gây ra hiện tượng lão hóa ở khu vực nông thôn sớm hơn so với thành thị. Mấu chốt để giải quyết các vấn đề trên chính là thúc đẩy đô thị hóa theo hình thức mới, lấy dân làm gốc, đẩy mạnh hiệu quả chuyển dịch sản xuất ở khu vực nông thôn, thúc đẩy cải cách chế độ hộ tịch, tạo điều kiện cho những hộ gia đình có đủ điều kiện được định cư tại thành phố, để họ được thừa hưởng những phúc lợi xã hội giống như người thành phố.

Cụ thể là trong tương lai, các địa phương sẽ tập trung giải quyết kế hoạch “Một trăm triệu dân”, đưa một trăm triệu dân nông thôn trở thành công dân đô thị. Kế hoạch này kéo theo những nhiệm vụ và yêu cầu mới đối với ngành Xây dựng, đặc biệt là ở lĩnh vực quy hoạch và bất động sản, những thay đổi về quy mô đô thị, phân bố, sinh thái, môi trường, cơ sở hạ tầng, giao thông công cộng. Lấy ví dụ như về nhà ở,

năm 2013 diện tích bình quân đầu người ở khu vực đô thị là 32,9 m², trong tương lai con số trên nhất định phải cao hơn, với mục tiêu đưa ra là 33 m², điều đó đồng nghĩa với việc 100 triệu người thì cần 3,3 tỷ m² nhà ở, như vậy mỗi năm cần phải xây dựng được khoảng 500 triệu m². Điều này đòi hỏi ngành Xây dựng nói riêng và các ngành nghề khác nói chung phải kiên trì đổi mới theo con đường tích cực, thực hiện quy hoạch một cách khoa học, đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa toàn ngành, sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, nâng cao chất lượng nhà ở, phát triển có trình tự, ổn định. Có như vậy mới giải quyết được vấn đề nhà ở cho kế hoạch “Một trăm triệu dân”.

Đô thị hóa kiểu mới, không để “thành phố trống” không người không sinh hoạt sản xuất, phải hỗ trợ các ngành công nghiệp phát triển

Bản chất của đô thị hóa là lực lượng sản xuất phát triển đến một giai đoạn nhất định dẫn đến sự điều tiết phân bố lực lượng sản xuất. Áp dụng công nghiệp hóa, hiện đại hóa cho cả ngành công nghiệp và nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất của lao động nông thôn, giải quyết vấn đề dư thừa lao động nông thôn, chuyển dịch lao động trong các ngành nghề. Đẩy nhanh tốc độ thông tin hóa trong ngành công nghiệp, từ đó phát triển các ngành công nghiệp dịch vụ, du lịch ở địa phương. Sử dụng máy móc cơ khí thay thế cho sức người, thực hiện hiện đại hóa nông thôn, năng suất lao động tăng, lực lượng lao động được coi trọng và phân bố phù hợp. Đô thị hóa là kết quả của sự kết hợp giữa quá trình công nghiệp hóa, thông tin hóa, và hiện đại hóa nông thôn.

Nếu như không hỗ trợ ngành công nghiệp phát triển, thì không thể giải quyết được vấn đề việc làm, không có đầu tư cho sản xuất thì không có phát triển, không thu hút được người lao động, không giữ được người ở lại sống và làm việc lâu dài, kết quả là thành phố không người không sản xuất bị bỏ hoang. Cho nên, từ

xưa đến nay câu nói “An cư lập nghiệp” vẫn luôn đúng. Trong quá trình đô thị hóa cần phải chú ý đến nhiệm vụ công nghiệp hóa, đồng thời dựa vào những chính sách hỗ trợ về bất động sản của Chính phủ để phát triển nhà ở và các khu công nghiệp. Bất luận là xây dựng nên một thành phố mới, hay cải tạo, mở rộng thành phố cũ, thì cũng phải có chiến lược phát triển rõ ràng, tận dụng tài nguyên sẵn có, nhưng phải sử dụng tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, thực hiện quy hoạch phát triển xã hội tổng thể, kết hợp hài hòa nhân tố con người và sản xuất, lựa chọn đúng ngành nghề chủ đạo và khu vực sản xuất tập trung, phân công lao động hợp lý. Quy hoạch thành phố không thể chỉ làm quy hoạch trên giấy, mà phải kết hợp với quy hoạch phát triển xã hội, quy hoạch sử dụng đất, phân bổ lực lượng sản xuất và quy hoạch phát triển công nghiệp.

Đô thị hóa kiểu mới, không thể chỉ ngày một ngày hai, mà phải kiên trì đầu tư theo chiều sâu, chặt chẽ, phát triển nền kinh tế cacbon thấp

Tập trung phát triển công nghiệp hóa nhưng không tràn lan, phải có kế hoạch và phát triển trọng tâm ngành nghề chủ đạo là tiềm lực, lợi thế của vùng. Phát triển thị trường bất động sản và nhà ở, vừa để đảm bảo nhu cầu ở của người dân, vừa đảm bảo thu hút vốn đầu tư từ trong và ngoài khu vực, tránh hiện tượng đầu cơ tích trữ, đẩy giá lên cao, rồi để xảy ra hiện tượng nhà thì thừa mà dân thì vẫn thiếu chỗ ở, cuối cùng nhiều khu đô thị bị bỏ hoang rất lãng phí, kéo theo những bất ổn về kinh tế và xã hội.

Đô thị hóa ở Trung Quốc nếu tính phân bố theo không gian thì có phần không hợp lý, tỷ lệ chênh lệch khá lớn giữa các vùng, mật độ dày mỏng khác nhau, đặc biệt là việc chiếm dụng đất quá độ thậm chí ngay cả đất nông nghiệp cũng bị tận dụng quá mức. Nhiều thành phố giống như một “chiếc bánh” bị cắt vụn, chỗ to chỗ bé. Đất nông nghiệp bị chuyển mục đích sử dụng thành đất xây dựng, hiệu quả sử dụng tài

nguyên giảm sút. Theo số liệu thống kê của Bộ Nhà ở, xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc cho biết: từ năm 2000 đến 2010, diện tích đất xây dựng mở rộng ở đô thị là 83%, dân số đô thị chỉ tăng 45%, so với tỷ lệ tăng trưởng là 1,85, trong khi con số tiêu chuẩn mang tính đàn hồi mà quốc tế công nhận là 1 - 1,12. Điều đó cho thấy tỷ lệ bình quân diện tích đất trên đầu người ở đô thị Trung Quốc là quá lớn, nhiều thành phố vượt qua cả con số 120 m²/người, trong khi ở Tokyo là 70 m²/người, Hồng Kông là 40 m²/người; So sánh như vậy để thấy sự sụt giảm về mật độ dân số ở khu vực đô thị.

Tại Đại hội Đảng lần thứ XVIII, Đảng và Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của sự nghiệp chủ nghĩa xã hội Trung Quốc là lấy việc xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là trọng tâm, để phối hợp và phát triển hài hòa với xây dựng nền chính trị, văn hóa, xã hội và văn minh sinh thái trên cả nước, xây dựng văn minh sinh thái ở tất cả các ngành nghề, trên mọi phương diện. Do đó, các ngành nghề phát triển trên cơ sở phải tôn trọng tự nhiên, thuận theo tự nhiên, bảo vệ tự nhiên, đó là những quan điểm mà Chính phủ Trung Quốc đưa ra về văn minh sinh thái; Kiên trì tiết kiệm nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường là quốc sách cơ bản; Thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, với phương châm phát triển cacbon thấp.

Đô thị hóa kiểu mới phải thực hiện theo tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Chính phủ Trung Quốc, đầu tư theo chiều sâu, thực hiện tốt quy hoạch tổng thể, giải quyết trọng điểm mọi vấn đề trên 3 phương diện:

Một là quy định phạm vi và kết cấu đô thị. Mở rộng có định hướng, có trình tự, có giới hạn, căn cứ vào đặc trưng của từng vùng, điều kiện tự nhiên và công năng của đô thị cũng như ngành nghề công nghiệp, ứng dụng khoa học kỹ thuật để có bố cục phát triển không gian đô thị hợp lý, khống chế bình quân diện tích đất sử dụng trên đầu người trong khoảng 100 m². Đồng thời, đưa ra các quy định nghiêm khắc

cho 3 khu vực (Khu vực cấm xây dựng, khu vực hạn chế xây dựng, và khu vực cho phép xây dựng) và 4 tuyến (Tuyến xanh lá cây - Vành đai xanh; Tuyến xanh lam - Hệ thống sông, hồ, mặt nước; Tuyến tím - Công trình lịch sử, văn hóa; Tuyến vàng - Cơ sở hạ tầng). Ngoài ra, phát triển đô thị sinh thái cũng phải chú ý đến bảo vệ môi trường sinh thái (tuyến đỏ), tăng cường trồng cây xanh lấy bóng mát, xây hồ nhân tạo. Những khu đất bị ô nhiễm, hay đất bỏ hoang ở nông thôn, đất khu vực mở khai thác được chuyển đổi thành đất sinh thái. Thiết lập vành đai xanh xung quanh đô thị để tạo không gian sinh thái và môi trường sống trong lành cho người dân.

Hai là nắm chắc quy mô và cường độ phát triển. Đối với những khu vực cần phải mở rộng, thì nên có điều tra thị trường rõ ràng, xác định quy mô mở rộng hợp lý, nắm rõ mức độ cần mở rộng, mật độ dân số, điều kiện tự nhiên, môi trường, năng lực tài chính, tránh trường hợp phát triển quá mức, vừa không đem lại hiệu quả đầu tư, vừa gây lãng phí và thất thoát tài nguyên, ảnh hưởng đến môi trường. Đô thị hóa nhưng không làm mất đi cảnh sắc thiên nhiên của vùng, để người dân vẫn được nhìn thấy núi non, sông hồ, vẫn có được những hình ảnh của quê hương. Hạn chế tối đa việc chặt cây, lấp sông hồ, để tránh làm ảnh hưởng đến cảnh quan thiên nhiên.

Ba là thực hiện chính sách phát triển nền kinh tế xanh, cacbon thấp. Phát triển các ngành nghề công nghiệp trong thành phố cần phải dựa vào các nguồn năng lượng tự chế, đồng thời tận dụng nguồn năng lượng tái chế, hạn chế hoạt động sản xuất thải cacbon ra môi trường và các chất thải nguy hại khác. Kiên trì với phương châm sản xuất tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường. Lấy ví dụ khi lập quy hoạch giao thông, cần chú ý phân bố các khu làm việc chức năng cần có khoảng cách hợp lý với các khu dân cư, trường học, bệnh viện. Hệ thống đường ưu tiên được bố trí cơ động, các

tuyến dừng đỗ của xe buýt cũng phải tránh điểm đông dân cư, hệ thống đường dành cho người đi bộ và cầu vượt bố trí tại các điểm gần trường học, khu trung tâm thương mại... Thực hiện kết hợp hệ thống đường bộ với giao thông công cộng, giảm thiểu việc sử dụng xe hơi trong thành phố.

Đô thị hóa kiểu mới không thể chỉ “vật hóa” mà không chú ý đến “văn hóa”, phải duy trì và phát triển văn hóa truyền thống, di sản lịch sử

Khi bàn về vấn đề đô thị hóa mang lại thay đổi to lớn như thế nào đối với thành phố, thì hầu hết các chuyên gia đều cho rằng, đô thị hóa khiến cho các di sản văn hóa dần biến mất, hoặc bị hư hỏng, thay vào đó là các khu vui chơi giải trí hiện đại được đầu tư với kinh phí lớn, sang trọng và hào nhoáng. Tuy nhiên, những công trình đó không thể thay thế được cho sự phong phú và giá trị lịch sử của những công trình là di sản văn hóa lâu đời. Cần phải bảo tồn văn hóa lịch sử để lưu giữ lại cho các thế hệ sau là yêu cầu cần thiết khi thực hiện đô thị hóa. Chất lượng của đô thị hóa cũng được đánh giá qua việc xây dựng, hoàn thiện và bảo vệ văn hóa truyền thống.

Trong một thời gian dài, nhiều nhà quy hoạch và cả giới chức các địa phương đã có sự nhầm lẫn về giá trị của một đô thị, thậm chí là đưa ra những xu hướng phát triển mang tính hoang tưởng. Theo đuổi giá trị vật chất, bỏ qua giá trị văn hóa và bồi dưỡng tinh thần nhân văn; Bỏ qua lịch sử, xem nhẹ giá trị lịch sử văn hóa, nhiều công trình là di tích lịch sử, di sản văn hóa bị phá hủy, hoặc bị hư hỏng nặng trong quá trình xây dựng các công trình lân cận; Coi nhẹ giá trị thẩm mỹ, thiếu tính sáng tạo và thẩm mỹ trên các công trình xây dựng, màu sắc, hình dáng, hoa văn trang trí kỳ quái, mất thẩm mỹ, không phù hợp với cảnh quan đô thị, sao chép không có chọn lọc,... tất cả tạo nên một diện mạo đô thị hỗn độn. Điều này phản ánh ý thức và trình độ của những nhà quản lý và người làm

quy hoạch, vì thế cần phải nghiêm khắc yêu cầu tuân thủ quy định về việc bảo tồn di sản văn hóa, chú trọng xây dựng văn hóa đô thị, và nếp sống lành mạnh cho người dân.

Trong quá trình đô thị hóa kiểu mới, cần phải kết hợp giữa phát triển văn hóa truyền thống và văn hóa hiện đại, giữ gìn bản sắc dân tộc, nét đặc trưng của văn hóa bản địa, đồng thời kết hợp với các nền văn hóa khác, tạo nên giá trị văn hóa đa sắc tộc, nhưng không làm mất đi tính truyền thống. Tạo môi trường văn hóa lành mạnh cho giới trẻ, đây cũng là xu hướng khi phát triển đời sống tinh thần cho người dân, đặc biệt là người trẻ, không bị bó buộc vào những phương thức sống truyền thống, nhưng không vì du nhập văn hóa ngoại lai mà làm mất đi giá trị nhân văn và tinh thần dân tộc. Kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa lịch sử cũng là mục tiêu quan trọng của đô thị hóa kiểu mới, thúc đẩy văn hóa bản địa phát triển, gìn giữ các đặc trưng văn hóa vùng miền.

Đô thị hóa kiểu mới, không thể chỉ thích mở rộng không thích thu hẹp, chỉ coi trọng đô thị mà không coi trọng nông thôn, phải tối ưu hóa chức năng đô thị, phát triển nhất thể hóa đô thị và nông thôn, phát triển hài hòa giữa đô thị nhỏ với đô thị vừa và lớn

Đánh giá chất lượng đô thị không chỉ dựa vào kết cấu quy mô đô thị hợp lý, mà còn phải

dựa vào việc bố trí không gian và hệ thống sinh thái trong đô thị. Tất cả phải có quy hoạch đồng nhất, phân bố hợp lý, bao gồm cả phân công lao động, ngành nghề, phát triển hài hòa từ lớn đến bé, từ ngành nghề thủ công đến sản xuất công nghiệp hiện đại, từ chung cư cao cấp đến nhà ở giá rẻ, từ các khu công nghiệp tập trung đến khu vực sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ,... nhằm đảm bảo hiệu quả phát triển, tối ưu hóa các chức năng đô thị. Tập trung phát triển đô thị, không quên phát triển các khu vực ngoại ô lân cận, chú trọng phát triển các đô thị nhỏ, để hỗ trợ cho các đô thị lớn về hệ thống giao thông và phân bố khu vực nhà máy sản xuất công nghiệp hợp lý. Ngoài ra, chính quyền địa phương cũng cần phải nỗ lực để phối hợp phát triển đô thị và nông thôn, quy hoạch đô thị với hệ thống cơ sở hạ tầng, đường giao thông tích hợp với hệ thống giao thông nông thôn thuộc khu vực lân cận, đồng nhất hệ thống cơ sở hạ tầng, đảm bảo lợi ích cho người nông thôn, xây dựng nông thôn hiện đại hóa, giảm khoảng cách khác biệt giữa đô thị và nông thôn.

Tống Xuân Hoa

Nguyên Thứ trưởng Bộ Nhà ở, xây dựng

Đô thị và Nông thôn Trung Quốc

Nguồn: <http://www.chinajsb.cn>

ND: Quỳnh Anh

HỘI THẢO GIỚI THIỆU BỘ CÔNG CỤ HỖ TRỢ RA QUYẾT ĐỊNH TÍCH HỢP THÔNG TIN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI VIỆT NAM (CIMPACT-DST)

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2014



Viện Trưởng VIUP - ông Ngô Trung Hải - phát biểu khai mạc Hội thảo



Toàn cảnh Hội thảo